



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 24/2026
Từ 22/6 - 26/6/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: TỔNG RÀ SOÁT, LÀM SẠCH, CHUẨN HÓA DỮ LIỆU, KẾT NỐI TRÊN PHẠM VI TOÀN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Chiều 25/6/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo) đã tổ chức Phiên họp chuyên đề về công tác chuyển đổi số trong hệ thống chính trị.



Phiên họp chuyên đề về công tác chuyển đổi số trong hệ thống chính trị - Ảnh: TTXVN

Sau khi nghe Báo cáo tóm tắt công tác chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, nhiều ý kiến trao đổi chỉ rõ những mặt được, mặt hạn chế, tồn tại và những điểm nghẽn cản trở công tác chuyển đổi số của từng khối cơ quan cũng như của toàn hệ thống chính trị; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, bảo đảm hệ thống chính trị vận hành tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu quả.

Phát biểu kết luận Phiên họp, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: Chuyển đổi số đã góp phần quan trọng và đảm bảo vận hành thông suốt mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền ba cấp. Nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả phát huy được tác dụng tích cực trong thực tiễn.

Ghi nhận và biểu dương các cơ quan Trung ương và các địa phương thuộc bốn khối cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều nỗ lực trong triển khai thực hiện trong hơn một năm thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đánh giá, những kết quả đạt được là rất đáng ghi nhận, tuy nhiên cũng phải thẳng thắn nhìn vào những tồn tại, hạn chế để có những giải pháp khắc phục kịp thời.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ, vấn đề lớn nhất hiện nay không còn là nhận thức hay chủ trương. Vì chủ trương đã rõ, thể chế cơ bản đã được hoàn thiện, nguồn lực đã được ưu tiên bố trí. Điểm yếu nhất hiện nay là năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm đến cùng của từng cơ quan, đơn vị và từng người đứng đầu. Bài học thực tiễn đã cho thấy, nơi nào người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, chịu trách nhiệm thì có kết quả. Nơi nào khoán trắng cho bộ phận kỹ thuật, nơi đó chuyển đổi số chậm và thiếu thực chất. Vấn đề cốt lõi cuối cùng vẫn là trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và năng lực tổ chức thực hiện.

Về nhiệm vụ trong thời gian tới, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, tập trung xử lý dứt điểm các nhiệm vụ quá hạn, các văn bản còn nợ đọng, các điểm nghẽn đã được xác định; đẩy mạnh phát triển dữ liệu và các nền tảng dùng chung. Xác định dữ liệu là nền tảng quan trọng, là tài nguyên chiến lược của quốc gia, phải được tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả theo nguyên tắc (đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung); phải tạo ra giá trị thực cho cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, hình thành thị trường dữ liệu, góp phần thúc đẩy kinh tế số và góp phần tăng trưởng kinh tế. Mỗi cơ quan, địa phương phải coi việc xây dựng và làm sạch dữ liệu là trách nhiệm chính trị của mình, không phải là nhiệm vụ riêng của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc là cơ quan khoa học công nghệ.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu, phải tổng rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, kết nối và khai thác trên phạm vi toàn hệ thống chính trị. Các bộ, ngành phải hoàn thành việc tạo lập và chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khẩn trương kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia để khai thác dùng chung theo quy định; chấm dứt tình trạng dữ liệu phân tán, không tương thích; phải xác lập bằng được kỷ luật dùng chung về dữ liệu và hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị; ưu tiên phát triển hạ tầng số dùng chung, nền tảng hệ thống ứng dụng số dùng chung. Các nhiệm vụ chuyển đổi số phục vụ vận hành hệ thống chính trị của chính quyền ba cấp cần được đẩy mạnh, đồng bộ, thông suốt và hiệu quả; tập trung hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ từ Trung ương đến cấp xã, đảm bảo các điều kiện để chính quyền các cấp vận hành trên môi trường số thực sự thuận lợi... Mục tiêu cuối cùng là dịch vụ công trực tuyến phải thực chất, thuận tiện để dễ sử dụng, giảm được thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Đối với phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cần có tư duy chủ động nhưng tuyệt đối không chủ quan, phải coi trí tuệ nhân tạo là phương thức hỗ trợ quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc. Xác định trí tuệ nhân tạo là công cụ hỗ trợ mạnh mẽ nhưng không thể thay thế được trách nhiệm, thẩm quyền và việc đưa ra các quyết định của con người. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo cần phải được bảo đảm theo hướng có kiểm soát, có trách nhiệm, đồng thời phải đảm bảo tuyệt đối an ninh quốc gia, an toàn dữ liệu ngay từ khâu thiết kế và sử dụng trí tuệ nhân tạo.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm lưu ý, đảm bảo vững chắc an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu quốc gia. Các cơ quan phải quán triệt nguyên tắc mọi hệ thống số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phải được thiết kế theo yêu cầu an toàn, an ninh ngay từ đầu, không

phải làm xong rồi mới bổ sung giải pháp bảo mật. Các bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc phân loại, xác định cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; rà soát toàn bộ việc thu thập, lưu trữ, chia sẻ và khai thác dữ liệu; siết chặt quản lý tài khoản và phân quyền truy cập; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng dữ liệu quốc gia, dữ liệu của người dân, doanh nghiệp bị lộ, lọt, mua bán hoặc khai thác trái phép.

Một số bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố và bảo vệ dữ liệu trên phạm vi toàn hệ thống chính trị; xây dựng năng lực phòng thủ, chủ động trên không gian mạng, thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá, diễn tập an ninh mạng đối với các hệ thống trọng yếu; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đổi mới cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả theo sản phẩm đầu ra.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị, nhiệm vụ chỉ được coi là hoàn thành khi có sản phẩm vận hành được, có dữ liệu kiểm chứng được, có người sử dụng thực tế và tạo ra hiệu quả thực chất. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình và trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị mình; gương mẫu đi đầu, sử dụng công cụ số trong quản trị, điều hành; đồng thời đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ. Ủy ban kiểm tra các cấp phải có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết 57.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm khẳng định, mọi nhiệm vụ phải được tổ chức thực hiện theo nguyên tắc 6 rõ (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả). Điều quyết định thành công trong giai đoạn hiện nay là kỷ luật thực thi, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu.

Nguồn: baohinhphu.vn

TẠO CHUYỂN BIẾN ĐO ĐƯỢC TRONG CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, THÁO GỠ ĐIỂM NGHEỖN THỂ CHẾ

Chiều ngày 22/6/2026, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật (Ban Chỉ đạo) đã tổ chức Phiên họp thứ nhất. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng ban Chỉ đạo chủ trì Phiên họp.

Phiên họp đã cho ý kiến về 4 nhóm nội dung: các văn bản nền tảng hoạt động của Ban Chỉ đạo, bao gồm (dự thảo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo, dự thảo Quyết định phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo, dự thảo Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo); các báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng (về phát triển kinh tế nhà nước; phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; xử lý ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn); báo cáo tình hình và giải pháp rà

soát, sửa đổi, ban hành, bãi bỏ các quy định pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý trong năm 2026; đề án “Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới.”

Ban Chỉ đạo đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, nỗ lực của các cơ quan trong quá trình chuẩn bị các dự thảo văn bản, báo cáo, đề án trình tại Phiên họp. Đồng thời, đề nghị các cơ quan tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo và các đại biểu tham dự phiên họp để chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản, báo cáo, đề án, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

Về các văn bản nền tảng hoạt động của Ban Chỉ đạo, Phiên họp cơ bản thống nhất với dự thảo Quy chế làm việc, Quyết định phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo và Chương trình công tác năm 2026, trong đó xác định 5 nhiệm vụ trọng tâm và 17 nhiệm vụ cụ thể để triển khai trong những tháng còn lại của năm 2026. Ban Chỉ đạo yêu cầu Cơ quan Thường trực tiếp thu ý kiến tại Phiên họp để hoàn thiện các văn bản; đồng thời phối hợp với các ban, bộ, ngành liên quan thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo.

Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế Nhà nước theo Nghị quyết số 79- NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo yêu cầu tiếp tục quán triệt và thống nhất nhận thức mới về kinh tế nhà nước. Theo đó, kinh tế nhà nước phải là một chỉnh thể thống nhất bao gồm ngân sách nhà nước, tài sản công, đất đai, tài nguyên, kết cấu hạ tầng, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập. Lấy hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước làm trung tâm của quá trình hoàn thiện thể chế; tập trung tháo gỡ điểm nghẽn đối với các nguồn lực chiến lược của quốc gia; tạo bước đột phá trong quản trị doanh nghiệp nhà nước.

Về Báo cáo chuyên đề cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Ban Chỉ đạo yêu cầu thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, trọng tâm là xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc thù, vượt trội, cạnh tranh, gắn với kết quả thực hiện và cam kết về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực Việt Nam, tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam mua công nghệ, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Xây dựng và vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia. Xây dựng cơ chế lựa chọn, quản lý và giám sát nhà đầu tư chiến lược; cơ chế điều phối quốc gia và liên kết vùng trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Về Báo cáo về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về xử lý ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, Ban Chỉ đạo nhận định đây là vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh, liên quan đến nhiều lĩnh vực như giao thông, công nghiệp, xây dựng, năng lượng, nông nghiệp; ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống của nhân dân, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Ban Chỉ đạo yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy kiểm soát từng nguồn thải sang quản trị chất lượng môi trường không khí theo mục tiêu; phát triển hệ thống dữ liệu môi trường đồng bộ, hiện đại; xây

dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, cảnh báo sớm nguy cơ ô nhiễm; xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng địa phương, từng nguồn phát thải.

Về Báo cáo tình hình và giải pháp rà soát, sửa đổi, ban hành, bãi bỏ các quy định pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong năm 2026, Ban Chỉ đạo nhấn mạnh cải cách thủ tục hành chính là một phần quan trọng của cải cách thể chế sâu rộng, góp phần định hình đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp trong nền hành chính kiến tạo, phục vụ. Mỗi thủ tục, điều kiện kinh doanh bất hợp lý được cắt giảm là một rào cản được tháo bỏ, một cơ hội phát triển được mở ra.

Ban Chỉ đạo đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ phải coi việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, không chỉ thực hiện trong các chiến dịch ngắn hạn; chuyển từ tư duy quản lý tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh.

Về Đề án “Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới”, Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với các định hướng lớn trong hồ sơ Đề án. Việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự phải bảo đảm Bộ luật thực sự là một trong những bộ luật nền tảng, giữ vị trí trung tâm trong hệ thống pháp luật về tư pháp; thể hiện rõ yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, kiểm soát quyền lực nhà nước, tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm tinh thần thượng tôn pháp luật. Ban Chỉ đạo yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế tố tụng theo hướng hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ công lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm với yêu cầu khuyến khích khắc phục hậu quả, thu hồi tài sản, tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực và phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Ban Chỉ đạo đề nghị các thành viên Ban Chỉ đạo, trong phạm vi chức trách được giao, ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật theo Chương trình công tác năm 2026; trước mắt tập trung chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm chất lượng cao nhất các dự án luật, nghị quyết tại các kỳ họp từ nay đến cuối năm 2026.

Về tổ chức thực hiện, từ nay đến cuối năm 2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu tập trung, sớm hoàn thiện và vận hành hiệu quả cơ chế làm việc của Ban Chỉ đạo, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan; chuẩn bị thật tốt các dự án luật, nghị quyết, đề án lớn để trình ra Quốc hội, khắc phục tình trạng chậm, nợ văn bản hướng dẫn thi hành; phải tạo chuyển biến đo được trong cắt giảm thủ tục hành chính, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, hoàn thiện pháp luật các lĩnh vực trọng tâm.

Sau phiên họp này, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đề nghị, từng thành viên Ban Chỉ đạo, từng cơ quan được giao nhiệm vụ phải bắt tay ngay vào việc. Cơ quan thường trực xây dựng kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận phiên họp, định kỳ báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo những công việc đã hoàn thành, việc chậm, việc khó, việc vượt thẩm quyền, việc cần phải tháo gỡ, không giao việc bằng khẩu hiệu, không chấp nhận tình trạng đã triển khai, đang nghiên cứu, đã quán triệt nhưng không xác định được sản phẩm nào

đã hoàn thành, văn bản nào đã ban hành và thủ tục nào đã cắt giảm, xung đột pháp luật nào đã được xử lý và trách nhiệm của người đứng đầu đến đâu.

Nguồn: vietnamplus.vn

KẾT LUẬN CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC VỀ SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN 3 CẤP

Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Thông báo số 100-TB/VPTW, ngày 19/6/2026 thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại cuộc làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp.

Thông báo nêu rõ: Ngày 18/6/2026, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp.

Sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo) trình bày dự thảo Báo cáo sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp, ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất bố cục, nội dung đánh giá, nhận định trong dự thảo Báo cáo. Qua sơ kết 1 năm, toàn hệ thống chính trị đã hoàn thành khối lượng công việc rất lớn, cấu trúc thành công bộ máy chỉ trong thời gian ngắn.

Dự thảo Báo cáo đánh giá đầy đủ, toàn diện với kết quả nổi bật trong vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp; xác định những “điểm nghẽn”, “nút thắt” cần được tháo gỡ, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Bên cạnh những kết quả bước đầu, còn nhiều vấn đề cần xem xét, sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh. Bộ máy đã được sắp xếp nhưng chất lượng vận hành chưa đồng đều. Số lượng đầu mối tổ chức bộ máy đã giảm nhưng hiệu quả quản trị chưa đạt yêu cầu. Thảm quyền được phân cấp song nguồn lực, năng lực và công cụ thực thi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn trong giai đoạn mới.

2. Đồng ý thông qua nội dung Báo cáo sơ kết để trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến tại phiên họp ngày 26/6/2026. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng khẩn trương tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại cuộc họp và hoàn thiện Báo cáo sơ kết gửi các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị cho ý kiến theo quy định.

3. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Chính phủ; Đảng ủy Quốc hội; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; Đảng ủy các cơ quan Đảng

Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đề trình Hội nghị sơ kết toàn quốc (ngày 01/7/2026) theo một số nội dung gợi ý định hướng như sau:

Tập trung đánh giá kỹ lưỡng về tính đồng bộ, thống nhất, minh bạch, cụ thể của thể chế pháp luật hiện hành, nhất là pháp luật liên quan đến hoạt động của chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực: khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đất đai, tài nguyên, khoáng sản, lâm nghiệp; tài chính-ngân sách; phân cấp, phân quyền và ranh giới thẩm quyền giữa Trung ương, địa phương.

Đánh giá chi tiết, cụ thể về năng lực thực thi ở cấp xã so với nhiệm vụ được phân giao, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, tư pháp, công thương, nông nghiệp, môi trường, các lĩnh vực văn hóa-xã hội v.v... gắn với chỉ tiêu biên chế, số lượng cán bộ chuyên môn sâu, bố trí vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu thực tiễn.

Xác định rõ những hạn chế, bất cập giữa quy định về một mô hình và khung phân cấp áp dụng trong thực tiễn địa phương khác nhau về trình độ phát triển, năng lực cán bộ, điều kiện địa lý và cơ sở hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin (nhất là đối với cấp xã theo các nhóm địa bàn đô thị, thành phố lớn khác biệt khu vực nông thôn, miền núi).

Đánh giá kỹ lưỡng về sự phù hợp giữa phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực (nhân lực, kinh phí); trong đó, phân bổ nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách xã so với nhiệm vụ của cấp xã, phường.

Bổ sung nhận định, đánh giá về tổ chức, hoạt động của khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp sau khi chuyển sang mô hình khu vực (sau khi kết thúc hoạt động của 3 tòa án cấp cao; 3 viện kiểm sát nhân dân cấp cao và kết thúc hoạt động của viện, tòa cấp huyện).

Bổ sung đánh giá về hiệu quả, tính tự chủ, tính hợp lý của mô hình hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp.

Đánh giá cụ thể, chi tiết về thực trạng hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, dữ liệu và phần mềm chuyên ngành trang bị cho chính quyền cơ sở (chất lượng hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số; số lượng phần mềm nhiều, nhưng không tương thích, đồng bộ; dữ liệu chưa đầy đủ và thiếu kết nối, chia sẻ..., nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới).

Đánh giá, làm rõ sự cần thiết phải tiếp tục điều chỉnh, sáp nhập một số xã, phường trên cơ sở rà soát các tiêu chí về diện tích, dân số, hạ tầng và năng lực cán bộ, yêu cầu phát triển, để phát huy lợi thế quản lý nhà nước theo quy mô và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Nghiên cứu, bổ sung thành lập đơn vị hành chính đô thị đặc biệt mang tính hạt nhân để điều phối phát triển, kết nối hạ tầng, dịch vụ công và các không gian kinh tế trọng điểm.

Rà soát, nhận diện, đánh giá kỹ lưỡng các “nguy cơ” để có phương hướng, giải pháp khắc phục, điều chỉnh kịp thời: Cuộc cải cách về sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị mới chỉ

dừng ở “giảm đầu mối” chưa phải là “bảo đảm nâng cao năng lực phục vụ”; Sự chênh lệch chất lượng dịch vụ công giữa đô thị lớn với vùng sâu, vùng xa; giữa nơi có năng lực số tốt với nơi còn yếu; Đội ngũ cán bộ cơ sở bị quá tải, áp lực lớn, dễ dẫn tới tâm lý sợ sai, né việc; Ranh giới hành chính mới chưa thật sự phù hợp với không gian kinh tế, không gian đô thị, khu công nghiệp, vùng du lịch, vùng sinh thái và các hành lang phát triển; Người dân phải đi xa hơn, tiếp cận dịch vụ công khó hơn, mất nhiều thời gian, tốn kém hơn khi làm các thủ tục do tổ chức điểm phục vụ không hợp lý.

Phương Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KHẨN TRƯỞNG TRÌNH CƠ CHẾ ĐỘT PHÁ GIAO NGÂN SÁCH, GIAO THẨM QUYỀN TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chiều ngày 23/6/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chủ trì phiên họp chuyên đề để rà soát tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW sau phiên họp lần thứ 3 năm 2026 và thảo luận các giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm tiếp tục đẩy mạnh triển khai, bảo đảm tiến độ và chất lượng các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Theo các báo cáo, ý kiến tại phiên họp, sau phiên họp thứ 3 của Ban Chỉ đạo, với 53 nhiệm vụ được giao, các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành 11 nhiệm vụ, 24 nhiệm vụ đang thực hiện đúng tiến độ, 2 nhiệm vụ quá hạn, 16 nhiệm vụ thường xuyên.

Về hạ tầng số và cơ sở dữ liệu, Nhà nước đã đầu tư xây dựng 16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với tổng kinh phí khoảng 967 tỷ đồng. Trong 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu, 4 cơ sở dữ liệu đã đáp ứng đầy đủ 19/19 tiêu chí.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định phê duyệt danh mục 10 nhóm công nghệ chiến lược và 30 sản phẩm công nghệ chiến lược, giao cho 10 bộ, ngành, cơ quan triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo 20 bài toán lớn; 29/34 địa phương đăng ký 124 sản phẩm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; định hướng 33/124 sản phẩm thuộc nhóm công nghệ chiến lược.

Về kinh phí thực hiện, đã ưu tiên bố trí 3% tổng chi ngân sách nhà nước; năm 2026, bố trí khoảng trên 100 nghìn tỷ đồng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Lấy sản phẩm đầu ra, hiệu quả ứng dụng làm thước đo cuối cùng

Phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ cơ bản đồng tình với các báo cáo, ý kiến tại phiên họp về những đổi mới trong phương

thức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và có những tiến bộ nhất định, đạt một số kết quả, nhiều nhiệm vụ chậm muộn đã được xử lý cơ bản.

Bên cạnh đó, Thủ tướng chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, khi nhiều bộ, cơ quan, địa phương vẫn còn tâm lý bị động, sợ trách nhiệm, dùn dầy, né tránh. Hạ tầng số, hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm và thiết bị còn chưa hiện đại, phân tán, chưa hiệu quả; chưa hình thành được các hạ tầng nghiên cứu quy mô lớn phục vụ phát triển công nghệ chiến lược. Thiếu kiến trúc, thiết kế tổng thể để định hướng triển khai các nhiệm vụ lớn, quan trọng.

Việc tổ chức, triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn nhiều khó khăn, thách thức, ách tắc ở nhiều khâu: Từ thu thập, làm sạch, chuẩn hóa, thay thế thành phần hồ sơ; kết nối, chia sẻ rời rạc, không thống nhất...

Về công nghệ và sản phẩm chiến lược, kết quả chưa có đột phá thực chất, mức độ hoàn thiện của danh mục sản phẩm còn thấp; các bộ, cơ quan chưa làm rõ sản phẩm đặc thù của ngành, các địa phương chưa xác định được các sản phẩm theo tiềm năng, lợi thế; cơ chế để các viện, trường tham gia còn chưa rõ ràng, thiếu cụ thể.

Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, cũng như thiếu các chuyên gia đầu ngành, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Việc phân bổ, sử dụng nguồn lực của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn phân tán, thiếu sự tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, nhất là chi cho đầu tư...

Về nguyên nhân tồn tại, hạn chế, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho rằng có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt vẫn còn tình trạng người đứng đầu chưa chỉ đạo sát sao, trực tiếp, toàn diện, còn giao cho cấp phó; công tác phối hợp giữa các cơ quan còn chưa chặt chẽ, cụ thể; chưa có cơ chế thực sự khả thi để phối hợp với các doanh nghiệp, viện trường...

Nhấn mạnh yêu cầu triển khai các nhiệm vụ thực chất, hiệu quả, không làm theo phong trào, Thủ tướng yêu cầu thông báo kết luận phiên họp phải chỉ rõ các nhiệm vụ chậm, muộn hoặc có khả năng chậm muộn nếu không triển khai tích cực của các bộ ngành, cơ quan, địa phương

Về quan điểm chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương; theo đó, xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phải trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2 con số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực tự chủ quốc gia.

Cùng với đó, chuyển mạnh sang tư duy lấy sản phẩm đầu ra, hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa và đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho công tác quản lý nhà nước của các bộ ngành, phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đóng góp cho phát triển đất nước, giải quyết các vấn đề làm thước đo hiệu quả.

Phân định rõ nhiệm vụ các cấp, các ngành, trong đó cấp quốc gia tập trung vào công nghệ chiến lược, hạ tầng lõi và bài toán lớn; cấp vùng, chuyên ngành hình thành chuỗi giá trị liên vùng; cấp địa phương tập trung sản phẩm đặc trưng, có khả năng tạo giá trị ngay.

Nhà nước kiến tạo thể chế, xây dựng tiêu chuẩn, đặt hàng, tạo môi trường thử nghiệm và chia sẻ rủi ro có kiểm soát, nhưng không làm thay doanh nghiệp - viện, trường cung cấp tri thức và công nghệ-doanh nghiệp tổ chức sản xuất, thương mại hóa và phát triển thị trường.

Tập trung nguồn lực cho một số bài toán lớn, công nghệ lõi, sản phẩm chiến lược có khả năng dẫn dắt; gắn nhiệm vụ quốc gia với thể mạnh vùng, địa phương và chuỗi giá trị toàn cầu; kiên quyết khắc phục đầu tư dàn trải, trùng lặp, kém hiệu quả.

Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả; kết quả thực hiện phải được lượng hóa và sử dụng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nhấn mạnh các định hướng thời gian tới. Theo đó, *lựa chọn đúng bài toán*, các bộ, cơ quan xác định bài toán lớn, có tính dẫn dắt, gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ của các bộ và kết nối với địa phương; địa phương lựa chọn sản phẩm từ thể mạnh và nhu cầu thực tiễn. Thủ tướng Chính phủ lấy ví dụ, Bộ Công Thương đã triển khai, ứng dụng hiệu quả công nghệ trong phân phối điện, sắp tới phải tiếp tục ứng dụng trong lĩnh vực xăng dầu, xuất xứ hàng hóa, sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo...

Doanh nghiệp là trung tâm, doanh nghiệp tham gia từ khâu xác định bài toán, lựa chọn công nghệ, đầu tư, thử nghiệm và phát triển thị trường; viện, trường gắn nghiên cứu với nhu cầu đặt hàng; Nhà nước kiến tạo thể chế, tiêu chuẩn, môi trường thử nghiệm và thị trường ban đầu phù hợp.

Cơ chế tài chính thông thoáng, tập trung khắc phục ngay các vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn về đặt hàng, khoán chi, mua sắm sản phẩm đầu tiên, định giá tài sản trí tuệ và chấp nhận rủi ro. Ưu tiên nguồn lực cho phát triển công nghệ lõi, sản phẩm có khả năng thương mại hóa và bài toán có tác động lan tỏa; phát huy hiệu quả phòng thí nghiệm, hạ tầng nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia.

Nghiên cứu kiến nghị về phương án chia sẻ kho dữ liệu quốc gia cho doanh nghiệp công nghệ trong nước

Chỉ rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương rà soát toàn bộ nhiệm vụ được giao và *phải xử lý dứt điểm các nhiệm vụ quá hạn*; không đề xuất lùi thời hạn khi chưa làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm, giải pháp; bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/6. Bộ Công an theo dõi sát tiến độ; định kỳ hằng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh sách nhiệm vụ chậm, nguyên nhân và trách nhiệm người đứng đầu, kịp thời đề xuất xử lý.

Về hạ tầng số, hạ tầng nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, Thủ tướng nhấn mạnh đây là nền tảng đặc biệt quan trọng, trên cơ sở đó mới có thể đầu tư đồng bộ, chi tiết, liên thông, kết nối từ Trung ương tới địa phương; yêu cầu đề nghị tiếp tục rà

soát, hoàn thiện trong thời gian sớm nhất, hiệu quả nhất, tiết kiệm nhất, bảo đảm thực sự tổng thể, đồng bộ để các bộ, ngành, địa phương áp dụng thống nhất, nghiên cứu kỹ kiến nghị của các bộ, ngành, doanh nghiệp về xác định cơ quan chủ trì, vận hành, phối hợp, quản lý để bảo đảm hiệu quả, tránh đầu tư lãng phí.

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong xây dựng khung kiến trúc dữ liệu và đề án phát triển dữ liệu, báo cáo cấp có thẩm quyền. Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thiện Đề án phát triển hệ thống trung tâm nghiên cứu, trung tâm thử nghiệm và phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6/2026; rà soát tổng thể hệ thống, hạ tầng Trung tâm nghiên cứu quốc gia, phòng thí nghiệm quốc gia, đề xuất phương án đầu tư tập trung, dùng chung, liên thông, ưu tiên hạ tầng phục vụ công nghệ chiến lược, tránh đầu tư thiết bị nhưng thiếu nhiệm vụ và nhân lực vận hành, báo cáo Thủ tướng trong tháng 7/2026.

Các bộ, cơ quan chủ quản phải hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Ưu tiên làm sạch, chuẩn hóa, đối soát và đồng bộ dữ liệu về đất đai, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, xây dựng, nông nghiệp, kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý vi phạm hành chính; đối với 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu, từng bộ chủ quản phải có kế hoạch hoàn thành đủ 19/19 tiêu chí, hoàn thành trong Quý III/2026.

Bộ Công an nghiên cứu kiến nghị về phương án chia sẻ kho dữ liệu quốc gia cho doanh nghiệp công nghệ trong nước để tạo điều kiện phát triển dịch vụ số; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp vận hành thông suốt Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối đồng bộ thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa.

Về công nghệ chiến lược và lựa chọn bài toán, sản phẩm trọng điểm, Thủ tướng yêu cầu từng bộ, ngành liên quan lựa chọn từ 1 đến 3 bài toán lớn, làm rõ chuỗi giá trị, khâu đã làm chủ, khâu chưa làm chủ, công nghệ ưu tiên, doanh nghiệp dẫn dắt, địa phương tham gia, tiêu chuẩn, thị trường, nguồn lực, mốc thử nghiệm và thương mại hóa.

Các Bộ: Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương hoàn thành trong tháng 6/2026 định hướng phát triển sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý, gồm vaccine thể hệ mới, công nghệ tế bào và in 3D trong y tế; hạ tầng giao thông, đường sắt đô thị và giao thông thông minh; năng lượng tái tạo, năng lượng mới; công nghệ sinh học, giống, dược liệu, thủy sản, công nghệ biển, nông nghiệp thông minh, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc; du lịch thông minh, công nghiệp văn hóa, di sản số và chuỗi du lịch liên vùng...

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương thẩm định các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do các bộ, cơ quan liên quan đề xuất theo đúng quy định, trong đó lưu ý đề xuất rõ về dự kiến kinh phí, phương án bố trí kinh phí để bảo đảm nhiệm vụ được triển khai ngay sau khi phê duyệt, hoàn thành trong tháng 6. Các doanh nghiệp có kiến nghị cụ thể về việc tham gia các nhiệm vụ này.

Với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ tướng yêu cầu tổ chức rà soát các bài toán, nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ trọng tâm gắn với nhu cầu thực tiễn, tiềm năng và lợi thế của địa phương; mỗi địa phương trong năm 2026 lựa chọn ít nhất 1 sản phẩm có thể lượng

hóa bằng giá trị; từ năm 2027, hằng năm lựa chọn, triển khai từ 2 đến 3 sản phẩm trọng tâm. Mỗi sản phẩm phải có một đầu mối chịu trách nhiệm đến cùng, có doanh nghiệp tham gia, địa chỉ ứng dụng, nguồn lực, thời hạn và chỉ tiêu đóng góp phát triển kinh tế - xã hội cụ thể.

Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Thủ tướng giao Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ liên quan rà soát tổng thể các chương trình đào tạo; cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ...

Về cơ chế, chính sách và tài chính, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương nghiên cứu, báo cáo Chính phủ tại phiên họp tới cơ chế đột phá để giao ngân sách, giao thẩm quyền cho các bộ, ngành, địa phương; báo cáo về tình hình nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách: Đặt hàng theo kết quả đầu ra; khoán chi; đầu tư theo hình thức hợp tác công tư...; báo cáo Thủ tướng chậm nhất trong Quý III/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

CẦN MỘT HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC SỰ HIỆU QUẢ

Sáng ngày 23/6/2026, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu họp với các bộ, cơ quan ngang bộ về dự thảo Đề án thí điểm đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật.

Theo Báo cáo của Bộ Tư pháp, Bộ đã rà soát, chỉnh lý toàn bộ hệ thống tiêu chí theo hướng phân hóa rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong quy trình xây dựng pháp luật. Cụ thể gồm: (1) Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ với vai trò cơ quan chủ trì soạn thảo; (2) Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm Bộ Tư pháp với vai trò cơ quan thẩm định; (3) Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ tham gia thẩm định; (4) Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm Văn phòng Chính phủ trong quá trình xử lý hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (5) Các bộ, cơ quan ngang bộ (bao gồm cả Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp) trong việc trả lời phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ; (6) Nhóm tiêu chí đánh giá, chấm điểm các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi lắng nghe đề xuất, góp ý của các bộ, ngành và tiếp thu, giải trình của Bộ Tư pháp, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu bày tỏ chia sẻ với các bộ, cơ quan về khối lượng công việc rất nhiều hiện nay và đánh giá cao các bộ, ngành đã phát biểu thẳng thắn, mạnh mẽ, trách nhiệm cũng như dành nhiều thời gian, tâm sức để nghiên cứu, đóng góp ý kiến đối với dự thảo Đề án.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đề nghị Bộ Tư pháp tiếp thu các ý kiến hợp lý, hoàn thiện đề án, trình Thủ tướng trước ngày 28/6 tới đây và lưu ý một số vấn đề trọng tâm. Theo đó, thời gian thí điểm dự kiến là 1 năm và sau đó đánh giá lại. Đồng thời, thống nhất phải có tiêu chí đánh giá trách nhiệm thẩm định của Bộ Tư pháp. Sau khi rà soát, tiếp thu, giải

trình ý kiến của các bộ, ngành, Bộ Tư pháp phải khẳng định rõ hồ sơ đủ điều kiện trình hay không. Nếu không có ý kiến rõ ràng sẽ bị trừ điểm.

Về hệ số K và điểm thưởng, Bộ Tư pháp làm rõ hệ số điều chỉnh theo số lượng văn bản và điểm thưởng cho các nhiệm vụ phát sinh để đảm bảo công bằng giữa các bộ.

Tiêu chí chấm điểm phải đơn giản, dễ thực hiện, bao quát được tiến độ và chất lượng nhưng không được quá nhiều tiêu chí thành phần.

Ngoài ra, khẩn trương hoàn thiện hệ thống thông tin liên quan để triển khai từ Quý III/2026. Hệ thống cần đơn giản, linh hoạt, liên thông với các phần mềm hiện có và nghiên cứu ứng dụng AI để hỗ trợ chấm điểm.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

CHÍNH THỨC CÓ BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NỀN TẢNG AI HỖ TRỢ CÔNG VỤ Ở PHẠM VI QUỐC GIA

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Quyết định số 2847/QĐ-BKHCN về Bộ tiêu chí đánh giá Nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công vụ ở phạm vi quốc gia, tạo cơ sở để lựa chọn, thử nghiệm và triển khai các nền tảng AI phục vụ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động quản lý nhà nước.

Quyết định số 2847/QĐ-BKHCN được ban hành nhằm cụ thể hóa yêu cầu phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực công, hướng tới xây dựng hạ tầng AI dùng chung ở phạm vi quốc gia, hỗ trợ nâng cao hiệu quả thực thi công vụ.

Theo đó, Bộ tiêu chí đánh giá được xây dựng như một căn cứ thống nhất để đánh giá mức độ đáp ứng của các nền tảng AI trước khi đưa vào thử nghiệm hoặc triển khai chính thức.

AI hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm của cán bộ, công chức

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, Nền tảng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ ở phạm vi quốc gia được xác định là hạ tầng trí tuệ nhân tạo dùng chung, phục vụ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Một nguyên tắc quan trọng trong Bộ tiêu chí là bảo đảm kiểm soát công vụ. Trí tuệ nhân tạo chỉ đóng vai trò hỗ trợ tham mưu, tổng hợp, phân tích; cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền vẫn là người xem xét, quyết định, phê duyệt và chịu trách nhiệm pháp lý cao nhất trong hoạt động quản lý nhà nước. Kết quả do nền tảng AI cung cấp chỉ có giá trị tham khảo, không thay thế quyết định hành chính của người có thẩm quyền.

Bộ tiêu chí cũng yêu cầu nền tảng chỉ sử dụng nguồn dữ liệu là các văn bản quy phạm pháp luật đã được công bố công khai; mọi kết quả đầu ra phải có dẫn chiếu căn cứ pháp lý đến cấp độ Điều, khoản, điểm. Phạm vi hỗ trợ bao gồm văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhằm phục vụ công chức địa phương.

Đồng thời, cán bộ, công chức, viên chức không sử dụng nền tảng để xử lý hồ sơ, dữ liệu, thông tin thuộc bí mật nhà nước. Các hoạt động AI liên quan đến bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và cơ yếu.

Đánh giá theo thang điểm 100

Bộ tiêu chí gồm hai nhóm chính với tổng điểm tối đa 100 điểm. Trong đó, Nhóm A - tiêu chí chung có tổng điểm 35, tập trung đánh giá các yêu cầu về tuân thủ pháp luật, dẫn chiếu nguồn, ranh giới dữ liệu, tuân thủ pháp luật về AI, năng lực hạ tầng, an ninh AI, bảo vệ dữ liệu cá nhân và đạo đức AI.

Nhóm B - tiêu chí hỗ trợ công vụ theo lĩnh vực quản lý nhà nước có tổng điểm 65, đánh giá năng lực hỗ trợ chuyên ngành của nền tảng như tổng hợp, phân tích, giải thích, hướng dẫn nghiệp vụ dựa trên các văn bản đã được công khai của từng lĩnh vực. Bộ tiêu chí áp dụng đánh giá khả năng hỗ trợ công vụ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ và 34 địa phương.

Để được công nhận đủ điều kiện triển khai chính thức, nền tảng phải đạt từ 70 điểm trở lên, đồng thời tổng điểm Nhóm A phải đạt tối thiểu 50% và không có tiêu chí bị điểm liệt. Nền tảng đạt từ 50 đến dưới 70 điểm được tham gia thử nghiệm và phải nâng cấp để đánh giá lại sau 2 tháng. Trường hợp dưới 50 điểm chưa đủ điều kiện tham gia thử nghiệm.

Một trong những yêu cầu nổi bật của Bộ tiêu chí là bảo đảm năng lực tự chủ công nghệ AI cốt lõi. Nền tảng sẽ bị đánh giá không đủ điều kiện tham gia thử nghiệm nếu không sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt trong nước do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ công nghệ, cùng với hạ tầng huấn luyện, suy luận và cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Bộ tiêu chí yêu cầu nền tảng phải đáp ứng các nội dung liên quan đến làm chủ mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt, gồm kiến trúc mô hình và trọng số do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam thiết kế, sở hữu; dữ liệu huấn luyện tiếng Việt được thu thập, xử lý hợp pháp; bộ mã hóa tiếng Việt phù hợp; hạ tầng huấn luyện, suy luận đặt tại Việt Nam và đội ngũ nghiên cứu phát triển AI lõi thuộc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Ngoài năng lực công nghệ, nền tảng còn phải có quy trình báo cáo sự cố nghiêm trọng và đáp ứng yêu cầu phục vụ diện rộng, với năng lực phục vụ tối thiểu 5.000 người dùng đồng thời trong giai đoạn thử nghiệm và tối thiểu 50.000 người dùng khi triển khai chính thức.

Ở nhóm tiêu chí hỗ trợ công vụ, nền tảng AI được đánh giá thông qua khả năng trả lời, tổng hợp, phân tích thông tin pháp luật trong từng lĩnh vực; yêu cầu kết quả phải có dẫn chiếu Điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật và có cảnh báo khi câu hỏi vượt quá phạm vi dữ liệu được phép hỗ trợ.

Các tiêu chí cũng đặt ra yêu cầu nền tảng không được “bịa” căn cứ pháp luật, không xử lý các hồ sơ, dữ liệu cụ thể thuộc phạm vi hạn chế và phải có khả năng phát hiện, cảnh báo các trường hợp chồng chéo, mâu thuẫn hoặc chưa thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực.

Nguồn: vietnamplus.vn

RÀ SOÁT, XỬ LÝ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SẼ HẾT HIỆU LỰC TRƯỚC 01/3/2027

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Công văn số 721/TTg-PL ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027.

Công văn nêu thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong thời gian qua, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật theo cơ chế xử lý tạm thời để bảo đảm tính liên tục, thông suốt của hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, các văn bản này sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027.

Không để xảy ra tình trạng chậm tiến độ, nợ đọng văn bản làm phát sinh khoảng trống pháp lý

Để đẩy nhanh tiến độ xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027, bảo đảm không phát sinh khoảng trống pháp lý, xét kiến nghị của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số 436/BC-BTP ngày 16/6/2026, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, định hướng của Đảng về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ, chất lượng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản thuộc phạm vi quản lý để xử lý các văn bản sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027; không để xảy ra tình trạng chậm tiến độ, nợ đọng văn bản làm phát sinh khoảng trống pháp lý.

Đồng thời, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các phương án xử lý đối với 508 văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027, trong đó tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Tiếp tục rà soát, phân loại các nội dung sửa đổi, bổ sung có tính chất tương đồng liên quan đến phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Nghiên cứu, áp dụng phương thức một văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản đối với các văn bản có nội dung liên quan chặt chẽ nhằm bảo đảm xử lý tập trung, đồng bộ, hạn chế việc sửa đổi nhiều lần trong thời gian ngắn; đồng thời tiếp tục rà soát tổng thể hệ thống văn bản thuộc phạm vi quản lý, chủ động đề xuất phương án hợp nhất, tích hợp, xử lý tập trung các quy định có nội dung tương đồng.

Đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết chưa được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026, chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát, hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào Chương trình các kỳ họp năm 2026 của Quốc hội, các kỳ họp còn lại của năm 2026 và đầu năm 2027 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày 01/3/2027.

Trong quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản, tiếp tục rà soát, đánh giá thực tiễn thi hành các cơ chế, chính sách được thực hiện theo cơ chế đặc thù, tạm thời; nghiên cứu, đề xuất thể chế hóa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm, phát huy hiệu quả, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, thống nhất và khả thi của hệ thống pháp luật.

Bộ Tư pháp tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chậm nhất ngày 25 hằng tháng

Đối với các cơ chế, chính sách đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn nhưng có nguy cơ chưa thể sửa đổi, bổ sung, ban hành trước ngày 01/3/2027, chủ động đánh giá tác động, đề xuất phương án chuyển tiếp hoặc các giải pháp xử lý phù hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhằm bảo đảm tính liên tục của hoạt động quản lý nhà nước, không làm gián đoạn việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp và không để phát sinh khoảng trống pháp lý.

Đối với các văn bản chưa đề xuất phương án xử lý, khẩn trương rà soát, đề xuất phương án xử lý, trong đó xác định rõ cơ quan chủ trì, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành.

Định kỳ hằng tháng, rà soát, cập nhật danh mục, tình hình triển khai, kết quả xử lý các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, nhất là các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực chậm nhất là ngày 20 hằng tháng, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc rà soát, hoàn thiện và triển khai thực hiện phương án xử lý các văn bản sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027; ưu tiên thời gian, nguồn lực trong phối hợp góp ý, thẩm định sớm các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp tổng hợp tình hình thực hiện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất là ngày 25 hằng tháng về kết quả xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027.

Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Văn bản này; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong quá trình rà soát,

đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực trước ngày 01/3/2027; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc phát sinh vướng mắc cần chỉ đạo, xử lý.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

Bộ Tư pháp đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025.

Bộ Tư pháp cho biết, mục đích của việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP nhằm hoàn thiện khung pháp lý về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời giảm chi phí tuân thủ và tăng hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời, điều chỉnh một số nội dung để bảo đảm phù hợp với thực tiễn, nâng cao chất lượng thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 13/41 Điều

Bộ Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị định trên gồm 14 điều cụ thể như sau:

- Từ Điều 1 đến Điều 12: Sửa đổi, bổ sung các điều, khoản sau: khoản 4 Điều 3, Điều 4, Điều 7, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 10, khoản 8 Điều 12, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 41.
- Điều 13 bãi bỏ khoản 3 Điều 40.
- Điều 14 Hiệu lực thi hành.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 13/41 Điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP), trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung: (1) các quy định nhằm xác định rõ thẩm quyền quản lý nhà nước về Bộ phận Một cửa; (2) phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý nghiệp vụ và cơ quan vận hành hạ tầng kỹ thuật của Cổng Dịch vụ công quốc gia; (3) quy định về bố trí người của ngành dọc đóng tại địa phương ra Trung tâm Phục vụ hành chính công; (4) quy định về tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh, trên phạm vi toàn quốc; (5) bổ sung quy định về ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ giám sát, đánh giá việc thực hiện

thủ tục hành chính, kiểm soát chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; (6) không quy định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp đối với các tỉnh đang thực hiện thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (7) bổ sung các điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính đối với mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định một khoản chuyển tiếp nhằm bảo đảm việc triển khai được thực hiện ổn định, không gây gián đoạn hệ thống.

Bộ Công an quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia

Trong đó, dự thảo quy định Cổng Dịch vụ công quốc gia là cổng tích hợp thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thống nhất toàn quốc do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương; cung cấp thông tin về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Quy định trên nhằm phân định rõ thẩm quyền cơ quan chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật của Cổng Dịch vụ công quốc gia (Bộ Công an) và cơ quan quản lý nhà nước về nghiệp vụ (Bộ Tư pháp).

Bổ sung nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Đồng thời, nhằm cụ thể hóa nguyên tắc chuyển đổi số, cắt giảm thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhờ khai thác dữ liệu đã được số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm thúc đẩy chuyển đổi số một cách toàn diện, giảm phiền hà, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính; đảm bảo thực hiện nguyên tắc người dân chỉ phải cung cấp thông tin, dữ liệu một lần và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu sẵn có để giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, Bộ Tư pháp đề xuất bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 4 quy định về nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông như sau:

“2a. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ và công bố theo quy định. Trường hợp không khai thác được hoặc dữ liệu chưa bảo đảm để giải quyết thủ tục hành chính thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung thông tin, giấy tờ cần thiết theo quy định”.

Thay đổi một số quy định về tổ chức Bộ phận Một cửa ở cấp bộ, cấp tỉnh

Ngoài ra, dự thảo cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 tổ chức Bộ phận Một cửa tại cấp bộ như sau: “Đối với cơ quan của trung ương được tổ chức theo hệ thống

ngành dọc tại địa phương, người đứng đầu cơ quan ngành dọc tại địa phương cấp tỉnh quyết định tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan ngành dọc tại địa phương cấp tỉnh không tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại cơ quan mình thì bố trí cán bộ, công chức, viên chức đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi có cơ quan ngành dọc để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính”.

Việc sửa đổi này nhằm quy định rõ thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan ngành dọc tại địa phương trong việc quyết định tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Văn phòng hoặc một đơn vị, tổ chức chuyên môn thuộc cơ quan này (trong trường hợp đơn vị tổ chức này không có văn phòng), đồng thời, tăng tính linh hoạt trong việc cử cán bộ ngành dọc ra Bộ phận Một cửa để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Đồng thời, dự thảo cũng sửa đổi thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp đối với các thành phố đang thực hiện mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố và bổ sung mô hình Điểm tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh tại các thành phố để tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người dân doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Dự thảo quy định tại các thành phố, căn cứ đặc thù về quản lý dân cư, điều kiện hạ tầng số, đánh giá mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp) và quyết định số lượng chi nhánh, Điểm tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương.

Trường hợp không lựa chọn mô hình này, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Nguồn: baochinhpvu.vn

PHỐI HỢP RÀ SOÁT CHUẨN HÓA DỮ LIỆU, XÂY DỰNG NỀN TẢNG SỐ NGÀNH THANH TRA

Thanh tra Chính phủ vừa có Văn bản gửi các bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị phối hợp rà soát, sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Thanh tra nhằm phục vụ triển khai dự án Xây dựng Nền tảng, dữ liệu số của ngành Thanh tra.

Đây là bước chuẩn bị quan trọng nhằm Xây dựng nền tảng, dữ liệu số ngành Thanh tra với yêu cầu dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ chuyển đổi số toàn diện của ngành Thanh tra

Theo Thanh tra Chính phủ, việc triển khai dự án được thực hiện trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, tăng cường trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ cũng như đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Văn bản nêu rõ, hiện Thanh tra Chính phủ đang khẩn trương triển khai đầu tư dự án “Xây dựng Nền tảng, dữ liệu số của ngành Thanh tra” nhằm hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung của toàn ngành, tạo nền tảng phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong môi trường số.

Trước đó, ngày 15/5/2026, Thanh tra Chính phủ cũng đã có Văn bản số 1442/TTCP-BQLDA gửi các bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị phối hợp khảo sát thông tin, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu phục vụ triển khai dự án, với thời hạn hoàn thành trước ngày 20/6/2026.

Để bảo đảm tiến độ triển khai cũng như chất lượng dữ liệu đầu vào, Thanh tra Chính phủ tiếp tục đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp rà soát, sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu đang lưu trữ liên quan đến lĩnh vực thanh tra.

Theo đó, việc chuẩn hóa dữ liệu ban đầu nhằm bảo đảm các cơ sở dữ liệu được xây dựng theo yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” của Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Thanh tra Chính phủ cho biết, dữ liệu được chuẩn hóa sẽ là nền tảng để xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc dự án, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin trong toàn ngành Thanh tra

Để triển khai nhiệm vụ này, Thanh tra Chính phủ đã thành lập Tổ công tác trực tiếp làm việc với các bộ, cơ quan ngang bộ nhằm rà soát, sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến ngành Thanh tra đang được lưu trữ tại các cơ quan. Việc rà soát được thực hiện theo danh mục hồ sơ, tài liệu cần số hóa ban hành kèm theo văn bản, bảo đảm thống nhất trong quá trình thu thập, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu của dự án.

Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác trong quá trình thực hiện để bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc.

Đồng thời nhấn mạnh, việc hoàn thiện, chuẩn hóa dữ liệu ngay từ giai đoạn đầu có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng nền tảng dữ liệu số của ngành, góp phần hình thành hệ thống dữ liệu thống nhất, đồng bộ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh tra trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: baochinhhphu.vn

HÀNG HẢI NỘI ĐỊA CẮT GIẢM 750.000 THỦ TỤC, HÀNG NĂM TIẾT KIỆM HƠN 60 TỶ ĐỒNG

Bộ Xây dựng vừa phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đường thủy nội địa theo hướng thay thế thủ tục hành chính cấp phép, đồng thời miễn, giảm mạnh phí, lệ phí. Đề án được kỳ vọng tạo bước đột phá, góp phần khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển vận tải thủy theo hướng hiện đại, bền vững.

Thực hiện chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án đặt mục tiêu cắt giảm triệt để các thủ tục rườm rà, từng bước hiện đại hóa nền hành chính gắn với ứng dụng khoa học-công nghệ và tinh gọn bộ máy.

Theo đó, Bộ Xây dựng quyết định bãi bỏ thủ tục cấp phép phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và khu neo đậu đối với phần lớn phương tiện (trừ phương tiện VR-SB, thủy phi cơ và phương tiện xuất nhập cảnh). Đây là bước cải cách mạnh mẽ, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn lâu nay trong hoạt động vận tải thủy.

Cùng với đó, Đề án đưa ra lộ trình miễn, giảm phí và lệ phí nhằm giảm gánh nặng tài chính cho người dân và doanh nghiệp. Cụ thể, mức phí trọng tải và lệ phí ra, vào cảng, bến đối với phương tiện mang cấp VR-SI, VR-SII, VR-SIII được đưa về 0 đồng. Các phương tiện chở khách hoạt động tại những khu vực trọng điểm như Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Lan Hạ cũng thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi.

Một trong những điểm nhấn quan trọng của Đề án là chuyển đổi phương thức quản lý từ truyền thống sang dựa trên dữ liệu số. Hoạt động của phương tiện sẽ được giám sát thông qua công nghệ nhận dạng tự động (AIS) và thiết bị giám sát hành trình GPS.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về phương tiện và thuyền viên sẽ được xây dựng đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua ứng dụng VNeID. Chủ phương tiện và thuyền trưởng có thể thực hiện khai báo kế hoạch vào, rời cảng bằng hình thức trực tuyến như email, tin nhắn hoặc phần mềm công nghệ thông tin, thay cho việc nộp hồ sơ giấy như trước.

Phương thức quản lý mới không chỉ nâng cao hiệu quả giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải mà còn góp phần minh bạch hóa hoạt động quản lý, phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng.

Theo tính toán, việc triển khai Đề án sẽ giúp cắt giảm khoảng 750.000 lượt thủ tục hành chính hàng năm, tiết kiệm khoảng 61,5 tỷ đồng chi phí “phí và lệ phí” cho doanh nghiệp, chưa kể chi phí đi lại và nhân công.

Hơn 1.860 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và kho bãi đường thủy sẽ được hưởng lợi trực tiếp, qua đó tạo điều kiện khai thác tiềm năng vận tải thủy, một trong những phương thức vận tải xanh, chi phí thấp.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp lại nhân sự tại các Cảng vụ đường thủy nội địa được thực hiện theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ theo phương châm “5 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm.

Nguồn: nhandan.vn

HÀ NỘI CHUYÊN ĐỔI MẠNH MẼ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hà Nội đang từng bước chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu, công nghệ và kết quả đầu ra. Những nền tảng số, cơ sở dữ liệu và kết quả cải cách hành chính đạt được thời gian qua tạo nền tảng quan trọng cho phát triển Thủ đô trong kỷ nguyên số.

Nâng tầm hiệu quả điều hành bằng dữ liệu

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xác định là một trong những động lực quan trọng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Với vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, khoa học và công nghệ của cả nước, Hà Nội đã nhanh chóng cụ thể hóa các nhiệm vụ bằng những chương trình, kế hoạch hành động và cơ chế triển khai đồng bộ.

Điểm nổi bật trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại Hà Nội là sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy quản trị. Nếu trước đây việc điều hành chủ yếu dựa trên quy trình hành chính và báo cáo thủ công thì nay Thành phố từng bước chuyển sang quản trị theo mục tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra và dữ liệu số.

PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cho rằng, Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển. Đối với Hà Nội, yêu cầu đặt ra không chỉ là triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch mà phải chuyển hóa tinh thần của Nghị quyết thành những kết quả cụ thể, tạo động lực mới cho tăng trưởng.

Theo ông Nguyễn Anh Tuấn, Thành phố đang tập trung vào ba “mũi đột phá” chính sách chiến lược, bám sát không gian pháp lý mà Luật Thủ đô mở ra. Đó là hoàn thiện thể chế đặc thù cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng trọng dụng, đặt hàng; đồng thời đẩy mạnh khai thác dữ liệu để từng bước xây dựng mô hình quản trị đô thị thông minh, hiện đại và hiệu quả.

Theo kết quả cập nhật trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết của Đảng trong giai đoạn từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/5/2026, Hà Nội đang theo dõi 292 nhiệm vụ do Trung ương giao. Trong đó, 166 nhiệm vụ đã hoàn thành; 126 nhiệm vụ đang triển khai, gồm 24 nhiệm vụ đúng hạn, 100 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, 1 nhiệm vụ quá hạn và 1 nhiệm vụ đang chờ hướng dẫn của Trung ương.

Những con số này cho thấy việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn Thành phố đã chuyển mạnh từ giai đoạn quán triệt, xây dựng kế hoạch sang tổ chức thực hiện với cơ chế kiểm đếm cụ thể, có sản phẩm đầu ra và có chỉ số đánh giá rõ ràng.

Ủy ban nhân dân thành phố cũng giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, cập nhật, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên phần mềm theo dõi Nghị quyết của Đảng. Việc cập nhật được thực hiện theo từng nhiệm vụ, gắn với sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện và tài liệu minh chứng, phục vụ công tác kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo điều hành của Thành phố.

Một dấu ấn quan trọng là việc đưa vào vận hành Không gian làm việc số HanoiWork. Hiện nền tảng này đã được triển khai với 161 workspace, khoảng 39.300 tài khoản, tỷ lệ kích hoạt và sử dụng đạt khoảng 90%. Đáng chú ý, 36.350 nhiệm vụ đã được đưa lên hệ thống để theo dõi và quản lý. Thông qua HanoiWork, các cơ quan, đơn vị có thể theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và tăng cường hiệu quả kiểm đếm công việc.

Việc ứng dụng nền tảng số góp phần tăng cường theo dõi tiến độ, kiểm đếm nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, đồng thời giảm dần tình trạng báo cáo thủ công, thiếu dữ liệu.

Tạo nền tảng số cho phát triển Thủ đô

Không chỉ đổi mới phương thức quản trị, Hà Nội còn từng bước xây dựng nền tảng cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện. Một trong những kết quả nổi bật là việc chuyển từ triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ riêng lẻ sang phương thức đặt hàng theo những bài toán lớn của Thành phố. Đến nay, Hà Nội đã công bố 30 bài toán lớn, tiếp nhận 109 đề xuất từ 31 đơn vị, cá nhân.

Các bài toán lớn được xây dựng gắn với yêu cầu quản trị, phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết những điểm nghẽn của Thủ đô. Qua đó, hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng gắn chặt với thực tiễn và nhu cầu phát triển của Thành phố.

Song song với đó, Hà Nội đang tích cực hoàn thiện các cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhiều nội dung quan trọng đang được nghiên cứu, xây dựng như chính sách hỗ trợ nhân lực thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chính sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn Thành phố.

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn trực tiếp với cải cách thủ tục hành chính, góp phần chuyển đổi phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực dữ liệu và chính quyền số, Thành phố đang triển khai xây dựng Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội đến năm 2030, Khung kiến trúc số thành phố Hà Nội, đồng thời xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở, kho dữ liệu dùng chung và các giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu. Đây là cơ sở quan trọng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

Đối với phát triển kinh tế số, Hà Nội xác định đây là động lực tăng trưởng mới trong giai đoạn tới. Thành phố đặt mục tiêu kinh tế số đóng góp 22% GRDP vào năm 2026 và tối thiểu

40% GRDP vào năm 2030. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Hà Nội đang thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển sản phẩm công nghệ, chợ chuyển đổi số, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và các mô hình kinh tế số mới.

Cùng với đó, hệ sinh thái khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục được mở rộng thông qua tăng cường kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ cùng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học nhằm huy động hiệu quả nguồn lực tri thức phục vụ phát triển Thủ đô.

Một trong những lĩnh vực phản ánh rõ nét hiệu quả của chuyển đổi số là cải cách thủ tục hành chính. Thành phố đã tái cấu trúc 2.077 thủ tục hành chính, tiếp nhận hơn 1,01 triệu hồ sơ. Bộ Chỉ số 766 đạt 96,67 điểm, xếp thứ 5 trong số 34 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Đặc biệt, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 97,79%; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 97,74%; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 94,94%. Những kết quả này cho thấy việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã gắn trực tiếp với cải cách thủ tục hành chính, góp phần chuyển đổi phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp từ hồ sơ giấy sang môi trường điện tử và khai thác dữ liệu hiệu quả hơn.

Những kết quả bước đầu đạt được cho thấy Nghị quyết số 57-NQ/TW đang tạo ra những chuyển động tích cực trong công tác quản lý, điều hành của Hà Nội. Từ hoàn thiện thể chế, phát triển dữ liệu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo đến cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số, Thành phố đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực phát triển. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Thủ đô nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Nguồn: hanoimoi.vn

LÀO CAI: ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai vừa ban hành Kế hoạch 298/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Kế hoạch 298/KH-UBND được ban hành nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch số 81-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 47-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Theo Kế hoạch, việc triển khai được thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực đất đai. Mục tiêu là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách về đất đai; bảo đảm công khai, minh bạch trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất và giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đất đai. Đồng thời, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Việc triển khai Kế hoạch phải gắn với các nghị quyết, chương trình, quy hoạch quan trọng của Trung ương và của tỉnh, trong đó có Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

Để bảo đảm hiệu quả thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo ba nhóm: các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai ngay trong năm 2026; các nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030; và các nhiệm vụ thường xuyên.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, tổng hợp, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch; đồng thời, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai. Các sở, ngành và địa phương có trách nhiệm chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao, định kỳ báo cáo tiến độ để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Nguồn: daibieunhandan.vn

TUYÊN QUANG: SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY - XÃ MẠNH LÀ NỀN TẢNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang vừa ban hành Kế hoạch số 237/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 8/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới. Kế hoạch nêu rõ mục tiêu, các nhóm nhiệm vụ nhằm đảm bảo xây dựng, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy chính trị.

Kế hoạch yêu cầu bám sát các quan điểm chỉ đạo, yêu cầu tại Kết luận số 210-KL/TW, Nghị quyết số 105/NQ-CP để tổ chức triển khai, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Quá trình triển khai thực hiện phải đảm bảo sự đồng bộ giữa sắp xếp tổ chức bộ máy với tinh giản biên chế, cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Phân công và có lộ trình thực hiện cụ thể; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, trách nhiệm người đứng đầu, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp được xác định tại các Kết luận, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ.

Ưu tiên lựa chọn các giải pháp có tính bền vững, khả thi cao, giảm phát sinh bộ máy và chi ngân sách.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện.

6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sắp xếp, hoàn thiện bộ máy chính trị

Kế hoạch cũng đã nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện của 6 nhóm nhiệm vụ, bao gồm:

1. Nhóm nhiệm vụ về công tác tuyên truyền, quán triệt;
2. Nhóm nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính;
3. Nhóm nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả;
4. Nhóm nhiệm vụ về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
5. Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số;
6. Nhóm nhiệm vụ về kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp chức năng, nhiệm vụ; đánh giá cán bộ gắn với sản phẩm

Đặc biệt, Kế hoạch tiếp tục yêu cầu tiếp tục thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, có tiêu chí, gắn với sản phẩm cụ thể, theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh.

Việc đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chính xác, khách quan, công bằng, đúng thực chất và lượng hóa được kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả công tác của từng bộ phận, cơ quan, đơn vị (trên cơ sở phân tích khối lượng và tính chất, mức độ của công việc).

Tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Tập trung sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thực chất

Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nêu rõ quan điểm: Thực hiện phương châm “Tinh gọn nhưng phải mạnh”. Không thực hiện việc giảm đầu mỗi một cách cơ học.

Tập trung rà soát, sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thực chất. Ưu tiên nguồn lực cho các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Xác định “Xã mạnh là nền tảng” trong hệ thống hành chính. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền triệt để cho cấp xã gắn với điều kiện đảm bảo thực hiện. Tập trung tối đa các nguồn lực hỗ trợ về tài chính, công nghệ và cơ chế chính sách để nâng cao năng lực thực thi cho cấp cơ sở.

Tăng cường ứng dụng nền tảng số và thiết lập cơ chế hỗ trợ chuyên môn trực tuyến thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo mọi vướng mắc tại cơ sở được tháo gỡ kịp thời.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THÁI NGUYÊN: TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG BẰNG KPI

Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng gắn với phương pháp đánh giá, đo lường bằng KPI trên địa bàn tỉnh. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 92 điểm cầu xã, phường trong toàn tỉnh.

Hội nghị nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo phương pháp KPI. Đồng thời bảo đảm thực hiện thống nhất việc đánh giá, xếp loại định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh.

Tại hội nghị, các đại biểu đã nghe nội dung trọng tâm về đánh giá, xếp loại hằng tháng theo phương pháp KPI và đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Các nội dung tập trung làm rõ mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, quy trình đánh giá; trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu trong giao nhiệm vụ, theo dõi, nhận xét, đánh giá cán bộ.

Các đại biểu cũng được hướng dẫn rà soát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm để xây dựng danh mục sản phẩm, công việc; xác định sản phẩm chuẩn, hệ số quy đổi phù hợp với đặc thù từng cơ quan, đơn vị; phương pháp giao việc, theo dõi, kiểm chứng kết quả thực hiện nhiệm vụ và tính điểm KPI trên cơ sở số lượng, chất lượng, tiến độ công việc.

Các đại biểu đã trao đổi nhiều nội dung liên quan đến việc xây dựng danh mục nhiệm vụ, xác định sản phẩm đầu ra, phương pháp lượng hóa kết quả công việc và đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ theo KPI.

Nhiều ý kiến đề nghị làm rõ cách áp dụng đối với các lĩnh vực, vị trí việc làm có tính đặc thù; đồng thời tăng cường hướng dẫn về quy trình giao nhiệm vụ, xác nhận kết quả, sử dụng minh chứng và ứng dụng công nghệ số trong công tác đánh giá.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ là yêu cầu cấp thiết

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên Trịnh Xuân Trường nhấn mạnh, đổi mới công tác đánh giá cán bộ là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm việc đánh giá thực chất, lấy kết quả, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu.

Việc triển khai đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với phương pháp đo lường bằng KPI là bước cụ thể hóa chủ trương đổi mới công tác cán bộ theo hướng định lượng, có minh chứng và gắn với sản phẩm đầu ra.

Đồng chí yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất nhận thức về KPI là công cụ quản trị, lượng hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở chức trách, vị trí việc làm, tiến độ và chất lượng công việc; tránh hình thức, chạy theo điểm số.

Việc xây dựng KPI phải gắn với nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phát triển của tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như giải ngân vốn đầu tư công, giải phóng mặt bằng, cải cách hành chính, thu hút đầu tư, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đánh giá

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên đề nghị người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đánh giá; khẩn trương hoàn thiện hệ thống sản phẩm, tiêu chí đánh giá, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đẩy mạnh kiểm tra, giám sát để bảo đảm công tác đánh giá khách quan, công khai, minh bạch, thực chất.

Đồng chí nhấn mạnh, kết quả cuối cùng phụ thuộc vào quyết tâm, trách nhiệm và cách làm cụ thể của từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị; qua đó tạo chuyển biến rõ nét trong công tác đánh giá cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Nguồn: baochinhphu.vn

THANH HÓA HOÀN THÀNH SẮP XẾP, GIẢM 55,6% THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Ngày 25/6/2026, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa Lê Ngọc Hợp cho biết tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn; hoàn thành phân loại 166 đơn vị hành chính cấp xã và thông qua Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh Thanh Hóa đạt loại I để hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nội vụ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Theo Sở Nội vụ, việc sắp xếp thôn, tổ dân phố là nhiệm vụ có quy mô lớn, thời gian triển khai ngắn, tác động trực tiếp đến tổ chức cộng đồng dân cư, hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở cũng như đời sống của người dân.

Vì vậy, tỉnh Thanh Hóa xác định việc sắp xếp không chỉ nhằm tinh gọn đầu mối mà còn phải bảo đảm phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, địa lý, dân cư, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng và an ninh của từng địa phương.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về sắp xếp thôn, tổ dân phố, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã khẩn trương chỉ đạo các địa phương xây dựng phương án thực hiện. Trên cơ sở phương án của 166 xã, phường, Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo trước khi ban hành phương án tổng thể.

Trong quá trình triển khai, các cấp ủy, chính quyền địa phương đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức 1.831 hội nghị quán triệt với hơn 123.400 lượt cán bộ, đảng viên và nhân dân tham dự; đồng thời ban hành hàng trăm chỉ thị, kế hoạch và đề án để tổ chức thực hiện.

Đề án sắp xếp được công khai để cử tri đại diện hộ gia đình trực tiếp tham gia góp ý. Toàn tỉnh đã hoàn thành việc lấy ý kiến tại 4.126 thôn, tổ dân phố với gần 974.000 hộ gia đình. Trong số hơn 915.000 cử tri đại diện hộ gia đình tham gia góp ý, có trên 903.700 người đồng ý với phương án sắp xếp, đạt 98,73% số cử tri tham gia và tương đương 92,81% tổng số hộ gia đình trên địa bàn.

Theo đánh giá của Sở Nội vụ, tỷ lệ đồng thuận rất cao cho thấy chủ trương sắp xếp phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân; đồng thời phản ánh hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp cũng như công tác tuyên truyền, vận động tại cơ sở.

Đến chiều 25/6, toàn bộ 166 xã, phường đã hoàn thành việc trình HĐND cùng cấp ban hành nghị quyết về sắp xếp thôn, tổ dân phố. Sau sắp xếp, số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh giảm từ 4.351 xuống còn 1.933, giảm 2.418 đơn vị, tương ứng giảm 55,6%.

Thanh Hóa cũng hoàn thành việc phân loại 166 đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Chính phủ. Theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành ngày 17/6, toàn tỉnh có 35 xã, phường đạt loại I; 88 xã, phường đạt loại 2 và 43 xã đạt loại 3.

Sau khi hoàn thành phân loại đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban Nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành xây dựng Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp thường kỳ tháng 6 diễn ra ngày 25/6/2026, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã nghe báo cáo, thảo luận và thống nhất thông qua Đề án trước khi hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

Theo Đề án, Thanh Hóa hiện có dân số hơn 4,26 triệu người, diện tích trên 11.111 km²; GRDP năm 2025 đạt hơn 333.600 tỷ đồng, thu ngân sách nhà nước gần 55.000 tỷ đồng. Với vị trí chiến lược quan trọng, hội tụ đầy đủ không gian miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển và biên giới, cùng hệ thống cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế và các tuyến giao thông huyết mạch, Thanh Hóa đạt 81,5 điểm theo các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, vượt mức tối thiểu 75 điểm để được xếp loại I.

Việc hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố, phân loại đơn vị hành chính cấp xã, đồng thời thông qua Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh đạt loại 1 được đánh giá là bước đi quan trọng trong quá trình tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Đây cũng là nền tảng để Thanh Hóa huy động và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, từng bước khẳng định vai trò là một cực tăng trưởng của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước...

Nguồn: baotintuc.vn

NGHỆ AN: THÍ ĐIỂM PHÂN MỀM KPI ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI 9 CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Từ ngày 01/7/2026, Nghệ An sẽ triển khai thí điểm hệ thống tiêu chí và phần mềm đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với cán bộ, công chức, viên chức tại một số cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

Theo Thông báo Kết luận số 384 - KL/TU, ngày 23/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy, việc triển khai thí điểm nhằm đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống tiêu chí và phần mềm KPI trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan, đơn vị, từ đó tiếp tục hoàn thiện trước khi xem xét áp dụng rộng rãi trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh.

Trong giai đoạn thí điểm, ở cấp tỉnh sẽ triển khai tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ. Ở cấp xã, việc thí điểm được thực hiện tại phường Thành Vinh và các xã Hưng Nguyên, Hải Châu, Nậm Cắn.

Thời gian thực hiện thí điểm kéo dài 2 tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2026.

Đây là bước đi mới trong lộ trình đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng khoa học, minh bạch, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu chuyển đổi số.

Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu việc triển khai tại các địa phương được lựa chọn phải bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống chính trị ở cấp xã, bao gồm các cơ quan Đảng, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đây được xem là điều kiện quan trọng để đánh giá toàn diện tính khả thi, mức độ phù hợp và hiệu quả vận hành của hệ thống KPI trong thực tiễn.

Để bảo đảm quá trình triển khai chặt chẽ, hiệu quả, đúng tiến độ, Thường trực Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thí điểm. Đồng thời, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai; tham mưu đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

Việc thí điểm hệ thống KPI không chỉ nhằm kiểm nghiệm tính hiệu quả của một công cụ đánh giá mới, mà còn góp phần từng bước đổi mới phương thức quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng lấy kết quả công việc làm thước đo chủ yếu. Kết quả triển khai sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các giải pháp quản trị công vụ trên nền tảng số, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Nguồn: baonghean.vn

ĐÀ NẴNG: THÍ ĐIỂM KIOSK THÔNG MINH HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG 3 PHÚT

Ngày 19/6/2026, tại Trung tâm Hành chính thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đã chính thức ra mắt mô hình thí điểm Kiosk thông minh (Trạm dịch vụ công số).

Dự án có sự đồng hành chặt chẽ của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06 - Bộ Công an), đánh dấu bước ngoặt trong lộ trình hiện đại hóa hành chính công tại miền Trung.

Trong đợt này, đơn vị tài trợ đã bàn giao 11 Kiosk đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các xã, phường trọng điểm.

Kiosk thông minh là giải pháp đột phá ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ nhận dạng thông minh. Người dân có thể trực tiếp thao tác trên máy thay vì phải lấy sổ, xếp hàng chờ nộp hồ sơ.

Hệ thống sẽ tự động nhận diện, kiểm tra tính hợp lệ và xác thực thông tin từ giấy tờ gốc. Thời gian xử lý hồ sơ, cấp bản sao điện tử được rút ngắn kỷ lục từ 15 phút xuống chỉ còn 3 - 5 phút.

Điểm ưu việt của hệ thống là sự hội tụ “3 trong 1”: Hành chính - Pháp lý - Tài chính. Ngay trên một thiết bị, người dân vừa tra cứu thủ tục, vừa thanh toán phí dịch vụ qua hệ sinh thái ngân hàng hiện đại.

Phát biểu tại sự kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Nguyễn Mạnh Hùng cho biết, việc triển khai mô hình nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đồng thời tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư phục vụ cải cách. Thành phố Đà Nẵng luôn xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục gắn với xây dựng chính quyền số. Quá đó, tập trung đẩy mạnh giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử, tăng cường kết nối, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống của Trung ương, từng bước đơn giản hóa quy trình.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh: “Việc triển khai thí điểm Kiosk thông minh là bước chuyển từ cải cách hành chính sang hành chính phục vụ thông minh, giúp người dân tiếp cận dịch vụ thuận tiện hơn, đồng thời nâng cao tính minh bạch, hiệu quả”.

Chia sẻ về mô hình kiosk thông minh, ông Tô Huy Vũ, Chủ tịch Hội đồng thành viên ngân hàng Agribank khẳng định: “Việc đồng hành cùng thành phố Đà Nẵng là bước đi cụ thể để ngành ngân hàng thực hiện trách nhiệm chính trị và trách nhiệm xã hội với cộng đồng, đồng thời thực hiện phương châm Chính phủ kiến tạo - Chính quyền phục vụ - Công an đồng hành - Ngân hàng góp sức - Người dân thụ hưởng”.

Nguồn: vietnamplus.vn

LÂM ĐỒNG: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sáng ngày 26/6/2026, tại Trung tâm Hội nghị khu vực 3, phường Đông Gia Nghĩa, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Phúc, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hội nghị. Hội nghị được tổ chức trực tiếp tại điểm cầu cấp tỉnh và kết nối trực tuyến đến điểm cầu các xã, phường, đặc khu trên địa bàn.

Xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương tỉnh Lâm Đồng đã bám sát kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương. Qua đó, công tác cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện bảo đảm toàn diện, đồng bộ và hiệu quả.

Theo kết quả công bố, chỉ số PAR Index, SIPAS năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, chỉ số PAR Index đạt 92,22 điểm, xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố; chỉ số SIPAS đạt 84,31%, xếp thứ 12/34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đặc biệt, nội dung chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, Lâm Đồng đứng thứ 3/34 của cả nước.

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được triển khai hiệu quả; công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng thực hiện bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Công tác xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được quan tâm đầu tư nâng cấp, hoàn thiện đồng bộ hơn; dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến ngày càng được mở rộng, đáp ứng ngày càng cao chất lượng dịch vụ công của người dân và doanh nghiệp.

Phát biểu kết luận hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Ngọc Phúc ghi nhận nỗ lực của các sở, ngành, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công 6 tháng qua. Qua đó góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng các chỉ số, dịch vụ giải quyết thủ tục hành chính, đem lại sự hài lòng đối với người dân và doanh nghiệp.

Để thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính và cải thiện các chỉ số của tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Ngọc Phúc đề nghị các sở, ngành, địa phương cần tập trung thực hiện hiệu quả hơn công tác cải cách hành chính, giảm bớt thủ tục hành chính; nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo cải cách hành chính.

Cùng với đó, tiếp tục nâng cao chất lượng chuyển đổi số; tổ chức đào tạo chuyển đổi số, công nghệ số cho cán bộ, công chức, nhất là ở những lĩnh vực thường xuyên giải quyết thủ tục hành chính công; đổi mới và tối ưu hóa thủ tục hành chính trong phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baolamdong.vn

KHÁNH HÒA: GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Tỉnh Khánh Hòa đã giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách đối với 752 người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố.

Hiện nay, 100% Hội đồng nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã thông qua Nghị quyết sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

Trước sắp xếp, tổ chức lại, tỉnh Khánh Hòa có 1.233 thôn, tổ dân phố và 1 cụm dân cư tại xã Cam Hiệp hình thành do chia tách đường địa giới hành chính (bao gồm 3 thôn thuộc đặc khu Trường Sa).

Kết quả rà soát theo tiêu chuẩn tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, có 479/1.233 thôn, tổ dân phố (chiếm 38,8%) không đủ tiêu chuẩn; 754/1.233 thôn, tổ dân phố (chiếm 61,2%) đủ tiêu chuẩn.

Tỉnh Khánh Hòa đã sắp xếp 1.233 thôn, tổ dân phố và 1 cụm dân cư thành 880 thôn, tổ dân phố (521 thôn, 359 tổ dân phố); giảm 353 thôn, tổ dân phố - đạt 28,6% (trong đó giảm 162 thôn, đạt 23,7% và giảm 191 tổ dân phố, đạt 34,7%).

Riêng 3 thôn thuộc đặc khu Trường Sa tạm thời giữ nguyên chờ ý kiến của cấp có thẩm quyền.

Sau sắp xếp, địa phương có số thôn, tổ dân phố nhiều nhất là phường Nam Nha Trang (50 tổ dân phố); địa phương có số thôn, tổ dân phố ít nhất (trừ đặc khu Trường Sa) là xã Bắc Khánh Vĩnh (4 thôn).

Theo ông Huỳnh Mạnh Thắng, Phó Giám đốc Sở Nội vụ cho biết tỉnh, Khánh Hòa đã giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách đối với 752 người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đang xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; trình Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cũng như những người trực tiếp tham gia hoạt động tại cơ sở.

Theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND, tỉnh Khánh Hòa hiện có 65 đơn vị hành chính (45 đơn vị hành chính cấp xã loại 1; 18 đơn vị hành chính cấp xã loại 2 và 1 đơn vị hành chính cấp xã loại 3 - đặc khu Trường Sa).

Các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh có sự khác biệt và chênh lệch khá lớn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, mật độ dân cư, tốc độ đô thị hóa và trình độ phát triển kinh tế-xã hội.

Tỉnh Khánh Hòa phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Để bảo đảm một trong những điều kiện cần thiết đối với tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã phải đạt từ 30% trở lên, do đó cần nâng cấp ít nhất 4 xã thành phường (tương ứng 20 phường/65 đơn vị hành chính).

Căn cứ các tiêu chuẩn của phường được quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, Hội đồng Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thông qua nghị quyết tán thành việc nâng cấp 4 xã gồm Tân Định, Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền thành phường trong năm 2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐỒNG NAI: DỰ KIẾN GIẢM TRÊN 66% THÔN, ẤP, KHU PHỐ SAU SẮP XẾP

Theo phương án tổng hợp của 95/95 xã, phường ở Đồng Nai sau khi sắp xếp dự kiến giảm 1.172 trên tổng số 1.771 thôn, ấp, khu phố (tỷ lệ giảm 66,18%) còn 599 thôn, ấp, khu phố.

Đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố, toàn thành phố hiện có 4.435 người đang tham gia thực hiện các nhiệm vụ tại cơ sở. Trong đó có 523 đơn vị chưa bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định, chiếm 29,5% và có 1.248 đơn vị bảo đảm tiêu chuẩn, chiếm 70,4%.

Căn cứ các quy định, theo phương án tổng hợp của 95/95 xã, phường ở Đồng Nai sau khi sắp xếp dự kiến giảm 1.172 trên tổng số 1.771 thôn, ấp, khu phố (tỷ lệ giảm 66,18%) còn 599 thôn, ấp, khu phố (gồm 351 thôn, ấp và 248 khu phố).

Số người hoạt động không chuyên trách tiếp tục bố trí sau sắp xếp ở 599 thôn, ấp, khu phố còn 1.797 người; số người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp là 2.638 người.

Ủy ban Nhân dân thành phố Đồng Nai nhận định việc xây dựng phương án sắp xếp thôn, ấp, khu phố nhằm giảm đầu mối trung gian, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Qua rà soát ở Đồng Nai cho thấy một số đơn vị chưa đáp ứng tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định; một số địa bàn có quy mô nhỏ, phân tán, chưa tương xứng với tốc độ đô thị hóa, quy mô dân số và yêu cầu quản lý hiện nay.

Số lượng lớn thôn, ấp, khu phố làm tăng đầu mối quản lý, phân tán nguồn lực và phát sinh chi ngân sách cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

Thành phố Đồng Nai có diện tích tự nhiên 12.737,18km², dân số gần 5 triệu người; gồm 95 đơn vị hành chính cấp xã (33 phường, 62 xã).

Với quy mô kinh tế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, GRDP năm 2025 của Đồng Nai đạt gần 678.000 tỷ đồng, thu ngân sách trên 102.000 tỷ đồng.

Đồng Nai là địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, khu đô thị, dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, đặc biệt là Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống các tuyến giao thông liên vùng chiến lược.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi về phát triển kinh tế-xã hội, thành phố còn có địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, có 8 xã biên giới tiếp giáp Campuchia với chiều dài đường biên giới hơn 258km; là nơi sinh sống của đồng bào 47 dân tộc và nhiều tôn giáo khác nhau.

Đặc điểm này đặt ra yêu cầu thành phố tiếp tục đổi mới phương thức quản lý ở cơ sở, bảo đảm tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

Theo Ủy ban Nhân dân thành phố Đồng Nai, thông qua việc triển khai đồng bộ phương án sắp xếp lại khu phố, thôn, ấp, sẽ từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức ở cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, bảo đảm vừa tinh gọn tổ chức bộ máy, vừa giữ vững ổn định chính trị, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ cơ sở.

Nguồn: vietnamplus.vn

AN GIANG QUYẾT TÂM BỨT PHÁ CÁC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo báo cáo trình bày tại Hội nghị đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm

2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng chủ trì sáng 19/6/2026, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch về cải cách hành chính và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân; đồng thời giao 60 nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành triển khai thực hiện. Kết quả, toàn tỉnh đã hoàn thành 60/60 nhiệm vụ, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Tỉnh cũng kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thành lập, kiện toàn các tổ công tác chuyên trách nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành và theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ, Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của An Giang đạt 86,50/100 điểm, thuộc nhóm B và xếp hạng 31/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Mặc dù thứ hạng chưa đạt như kỳ vọng, song kết quả này phản ánh nỗ lực rất lớn của tỉnh trong bối cảnh phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ mới sau sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai chính quyền địa phương 2 cấp và đẩy mạnh chuyển đổi số trên phạm vi toàn tỉnh.

Đáng chú ý, nhiều lĩnh vực ghi nhận kết quả tích cực. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được duy trì ổn định với tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ở cấp tỉnh đạt 98,35%; cấp xã đạt 98,98%.

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử từng bước tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Những điểm sáng từ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Một trong những dấu ấn nổi bật của An Giang trong năm 2025 là việc triển khai nhiều mô hình mới gắn với chuyển đổi số và cải cách hành chính.

Trong đó có giải pháp chuyển đổi từ giọng nói sang văn bản, giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả tác nghiệp của cán bộ, công chức.

Tỉnh cũng triển khai thí điểm ứng dụng lấy số thứ tự tự động thông qua nền tảng Zalo tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Đây là giải pháp mới góp phần giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, mô hình "Trợ lý ảo pháp luật cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh An Giang" được đưa vào sử dụng, hỗ trợ tra cứu văn bản, nâng cao chất lượng tham mưu và xử lý công việc.

Những sáng kiến này cho thấy quyết tâm của tỉnh trong việc đưa công nghệ vào hoạt động quản lý nhà nước, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch và phục vụ.

Không chỉ tập trung vào cải cách hành chính, An Giang còn duy trì được nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tích cực. Năm 2025, tỉnh có 24/26 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch; tốc độ tăng thu ngân sách đạt 13,31%.

Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thăng thấn nhìn nhận những mặt cần cải thiện

Bên cạnh kết quả đạt được, báo cáo cũng chỉ rõ một số nội dung cần tiếp tục khắc phục để nâng cao chất lượng cải cách hành chính trong thời gian tới.

Trong công tác đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp, toàn tỉnh ghi nhận 91 kiến nghị của doanh nghiệp và nhà đầu tư, song mới giải quyết được 58 kiến nghị, đạt 63,7%; còn 33 kiến nghị chưa được xử lý dứt điểm.

Một số phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính vẫn còn chậm được giải quyết. Công tác thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao có nội dung chưa hoàn thành đúng tiến độ.

Ở lĩnh vực chuyển đổi số, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa đạt như kỳ vọng. Điều này cho thấy vẫn còn dư địa rất lớn để nâng cao hiệu quả khai thác các nền tảng số và gia tăng mức độ tham gia của người dân vào các dịch vụ công trực tuyến.

Lĩnh vực cải cách tài chính công cũng còn một số khó khăn, nhất là tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu. Công tác giải phóng mặt bằng, sự thiếu hụt vật liệu xây dựng ở một số thời điểm và khối lượng công việc tăng lên sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số dự án.

Tuy nhiên, điều đáng ghi nhận là tỉnh không né tránh những tồn tại này mà chủ động phân tích nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra SIPAS năm 2025, mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 8,14/10 điểm.

Kết quả này phản ánh những chuyển biến tích cực trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, nhất là ở các nội dung liên quan đến tiếp cận dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính, chất lượng phục vụ của đội ngũ công chức và công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

Để nâng cao các chỉ số PAR Index và SIPAS trong năm 2026, tỉnh An Giang xác định nhiều nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền cải cách hành chính; xây dựng chuyên trang cải cách hành chính trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; hoàn thành đúng hạn các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Tỉnh cũng sẽ tập trung nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; hạn chế tối đa hồ sơ trễ hạn, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

Đối với chuyển đổi số, tỉnh đặt mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và số hóa hồ sơ; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Cùng với đó là việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Từ những kết quả đã đạt được cùng quyết tâm khắc phục các tồn tại, tỉnh An Giang đang từng bước xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đây cũng là tiền đề quan trọng để tỉnh tiếp tục cải thiện các chỉ số cải cách hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo cải cách hành chính

Phát biểu kết luận hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng ghi nhận những nỗ lực của các sở, ngành, địa phương trong triển khai công tác cải cách hành chính thời gian qua. Trong bối cảnh tỉnh tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và thực hiện nhiều nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, các cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, góp phần duy trì hoạt động thông suốt của bộ máy hành chính.

Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng thẳng thắn nhìn nhận kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 vẫn chưa đạt như kỳ vọng. Điều đó cho thấy công tác cải cách hành chính ở một số nơi còn những hạn chế, đòi hỏi phải có giải pháp quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Nhấn mạnh cải cách hành chính không chỉ là nhiệm vụ của riêng cơ quan chuyên môn mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, ông Hồ Văn Mừng yêu cầu giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn trực tiếp với chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, mục tiêu cao nhất của cải cách hành chính là chăm lo, phục vụ người dân ngày càng tốt hơn. Vì vậy, mỗi cơ quan, đơn vị phải lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động; khắc phục triệt để tư tưởng xem nhẹ hoặc chưa quan tâm đúng mức đến công tác cải cách hành chính.

Quyết tâm đưa PAR Index vào nhóm A của cả nước

Theo đó, mục tiêu trong thời gian tới đưa Chỉ số PAR Index của An Giang đạt từ 90 điểm trở lên, thuộc nhóm A của cả nước; Chỉ số SIPAS đạt trên mức bình quân chung của cả nước, qua đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Để thực hiện mục tiêu này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu ngay sau hội nghị, người đứng đầu các địa phương, đơn vị phải xây dựng kế hoạch cụ thể để khắc phục

những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra; xác định rõ trách nhiệm, lộ trình và kết quả cần đạt đối với từng nhiệm vụ.

Sở Nội vụ được giao tiếp tục theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính gắn với công tác đánh giá, xếp loại người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ do nguyên nhân chủ quan sẽ bị xem xét, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Ông yêu cầu chậm nhất đến cuối tháng 6, tất cả sở, ngành, địa phương phải thành lập Tổ công tác cải cách hành chính do người đứng đầu trực tiếp làm Tổ trưởng. Các tổ công tác có nhiệm vụ thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tập trung xử lý dứt điểm những tồn tại, hạn chế thuộc lĩnh vực phụ trách.

Trong đó, cần đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ người dân; giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn; tăng cường đối thoại, kịp thời xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp; không để những vấn đề tồn đọng kéo dài làm ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tăng cường ứng dụng công nghệ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, các địa phương, đơn vị cần tiếp tục phát hiện, biểu dương và nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả, sáng kiến cải cách hành chính thiết thực, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: angiang.gov.vn

XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phong cách làm việc của cán bộ, công chức trở thành yếu tố quyết định hiệu lực, hiệu quả của nền công vụ và quản trị quốc gia. Bài viết tiếp cận phong cách làm việc như một cấu trúc hành vi công vụ, sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp lý luận kết hợp phân tích thực tiễn để làm rõ sự biến đổi của phong cách làm việc trong kỷ nguyên số. Trên cơ sở đó, chỉ ra những khoảng cách và bất cập, đặc biệt là sự chưa đồng bộ giữa nhận thức, thể chế, năng lực và hạ tầng, cũng như hạn chế trong tổ chức thực hiện; đề xuất các định hướng và giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng phong cách làm việc phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên số ở Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng ở Việt Nam, đặt ra yêu cầu chuyển biến căn bản phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Trong kỷ nguyên số, phong cách làm việc – với tư cách là sự kết tinh của tư duy, tác phong, hành vi và cách thức ra quyết định – được tái định hình theo hướng dựa trên dữ liệu, tương tác trên môi trường số, linh hoạt trong xử lý công việc và minh bạch trong thực thi nhiệm vụ. Vì vậy, xây dựng phong cách làm việc phù hợp với môi trường số trở thành yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nền công vụ và quản trị hiện đại. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, phong cách làm việc của cán bộ, công chức ở Việt Nam vẫn chưa chuyển đổi tương xứng với yêu cầu của kỷ nguyên số. Mặc dù phương pháp và công cụ làm việc đã có những thay đổi nhất định dưới tác động của công nghệ, song trong nhiều trường hợp, tư duy, tác phong và cách thức thực thi công vụ vẫn mang dấu ấn của lối làm việc hành chính truyền thống. Khoảng cách này không chỉ làm hạn chế hiệu quả chuyển đổi số trong khu vực công, mà còn đặt ra yêu cầu phải nhận diện và giải quyết một cách có hệ thống.

2. Phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số

2.1. Phong cách làm việc của cán bộ, công chức

Phong cách làm việc là sự thể hiện tổng hợp và tương đối ổn định của tác phong, lễ lối, hành vi, tư duy và cách thức ra quyết định trong quá trình thực hiện công vụ. Đây không chỉ là biểu hiện bên ngoài của hoạt động làm việc, mà còn phản ánh cách thức chủ thể nhận thức, tổ chức và thực thi nhiệm vụ trong những điều kiện cụ thể của môi trường công vụ. Là một phạm trù mang tính tổng hợp, phong cách làm việc bao gồm các yếu tố cấu thành cơ bản như tác phong làm việc, lễ lối tổ chức công việc, hành vi ứng xử, tư duy xử lý vấn đề và cách thức ra quyết định. Những yếu tố này gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo nên những đặc trưng tương đối ổn định trong hoạt động công vụ của mỗi cá nhân cũng như của cả hệ thống hành chính nhà nước.

Trong các yếu tố cấu thành hoạt động công vụ, phong cách làm việc giữ vai trò trung tâm, là nơi hội tụ và biểu hiện trực tiếp của năng lực, trách nhiệm và hiệu quả thực thi nhiệm vụ

của cán bộ, công chức. Phong cách làm việc không chỉ phản ánh “cách thức làm việc” mà còn thể hiện “cách thức hành xử” của chủ thể trong môi trường công vụ, qua đó phản ánh bản chất của hoạt động công vụ. Trong kỷ nguyên số, phong cách làm việc càng trở nên có ý nghĩa quyết định, khi môi trường công vụ không ngừng biến đổi theo hướng số hóa, kết nối và linh hoạt, đòi hỏi phong cách làm việc của cán bộ, công chức phải có khả năng thích ứng với phương thức làm việc mới, gắn với sử dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và tương tác trên nền tảng số.

Phong cách làm việc của cán bộ thể hiện ở tư duy lãnh đạo, cách thức ra quyết định, mức độ chủ động, linh hoạt trong xử lý công việc và khả năng điều phối, tạo động lực cho tập thể. *Phong cách làm việc của công chức* gắn với hoạt động thực thi công vụ, thể hiện ở cách thức triển khai nhiệm vụ, tuân thủ quy trình, phối hợp công việc và xử lý các tình huống cụ thể trong thực tiễn, phản ánh mức độ chuyên nghiệp, kỷ luật, trách nhiệm và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Phong cách làm việc của cán bộ và phong cách làm việc của công chức có mối quan hệ bổ trợ lẫn nhau, phong cách làm việc của cán bộ định hướng, dẫn dắt, còn phong cách làm việc của công chức quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực thi chủ trương, chính sách. Trong kỷ nguyên số, sự khu biệt này trở nên rõ hơn, cán bộ cần chuyển sang phong cách lãnh đạo số (ra quyết định dựa trên dữ liệu, tư duy linh hoạt và năng lực thích ứng nhanh với sự thay đổi), còn công chức cần hình thành phong cách làm việc số, sử dụng thành thạo công nghệ, tuân thủ quy trình số và làm việc hiệu quả trong môi trường trực tuyến.

Theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam, cán bộ và công chức là 2 nhóm chủ thể có vị trí pháp lý và vai trò khác nhau. Cán bộ là những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo nhiệm kỳ, gắn với hoạt động hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách; trong khi đó, công chức là những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan nhà nước, trực tiếp thực thi công vụ theo quy định của pháp luật. Sự khác biệt về vị trí, chức năng và nhiệm vụ này là cơ sở hình thành những đặc điểm riêng trong phong cách làm việc của từng nhóm chủ thể (ngoài những đặc điểm chung).

2.2. Kỷ nguyên số và sự biến đổi của phong cách làm việc của cán bộ, công chức

Kỷ nguyên số, với những đặc trưng là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, dữ liệu và các nền tảng kết nối, đang làm thay đổi căn bản môi trường và phương thức hoạt động công vụ. Trong bối cảnh đó, sự biến đổi không chỉ diễn ra ở công cụ hay quy trình làm việc, mà quan trọng hơn, diễn ra ở phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức – yếu tố trực tiếp quyết định hiệu quả thực thi công vụ. Sự tác động của kỷ nguyên số đến phong cách làm việc trước hết thể hiện thông qua việc thay đổi phương thức thực hiện công vụ (các quy trình công việc ngày càng được số hóa, tự động hóa và liên thông; môi trường làm việc chuyển từ không gian hành chính truyền thống sang môi trường số với các hình thức tương tác trực tuyến và xử lý công việc theo thời gian thực; yêu cầu về tốc độ, độ chính xác, tính minh bạch và khả năng phối hợp trong hoạt động công vụ cao). Những biến đổi này không chỉ làm thay đổi “cách làm” mà từng bước định hình lại “cách nghĩ” và “cách hành xử” của chủ thể công vụ.

Sự biến đổi của phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số có thể nhận diện một số chiều cạnh cơ bản, như: (1) Từ làm việc dựa trên kinh nghiệm sang làm việc dựa trên dữ liệu, việc ra quyết định phụ thuộc vào hệ thống thông tin và phân tích dữ liệu thay vì cảm tính chủ quan; (2) Từ phương thức hành chính truyền thống sang làm việc trên nền tảng số, thay đổi căn bản về tác phong và cách thức xử lý công việc; (3) Từ tính cứng nhắc sang linh hoạt, thích ứng, khả năng phản ứng nhanh; (4) Từ khép kín sang minh bạch, khả năng “truy vết” và trách nhiệm giải trình; (5) Từ làm việc đơn lẻ sang kết nối và phối hợp khi các nền tảng số cho phép liên thông dữ liệu và tăng cường tương tác giữa các chủ thể.

Những biến đổi trên cho thấy phong cách làm việc trong kỷ nguyên số mang tính mở, linh hoạt và dựa trên nền tảng công nghệ – nơi công nghệ vừa là công cụ vừa là môi trường định hình hành vi công vụ. Tuy nhiên, sự biến đổi phong cách làm việc diễn ra với những biểu hiện khác nhau giữa cán bộ và công chức, phản ánh yêu cầu khác biệt về vai trò, đồng thời đặt ra đòi hỏi phải xây dựng phong cách làm việc phù hợp cho từng nhóm chủ thể. Kỷ nguyên số không chỉ tạo ra những điều kiện mới mà còn đặt ra các yêu cầu mới đối với phong cách làm việc của cán bộ, công chức (tư duy dựa trên dữ liệu, năng lực số, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng thích ứng linh hoạt...). Đây vừa là động lực thúc đẩy đổi mới, vừa là thách thức cần được nhận diện và giải quyết trong thực tiễn hiện nay.

2.3. Nội hàm và đặc trưng của phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số

Về nội hàm, phong cách làm việc trong kỷ nguyên số không còn chỉ là sự biểu hiện của tác phong, lễ lối hay hành vi công vụ, mà trở thành sự kết tinh của tư duy số, năng lực khai thác và sử dụng dữ liệu, cùng với khả năng thích ứng với môi trường làm việc số. Theo đó, phong cách làm việc không chỉ phản ánh “cách thức thực hiện công việc”, mà còn thể hiện “cách thức tư duy và hành xử” của chủ thể trong bối cảnh số hóa, qua đó trở thành một cấu phần cốt lõi quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động công vụ.

Phong cách làm việc của cán bộ, công chức nói chung trong kỷ nguyên số có một số đặc trưng cơ bản, như: (1) Làm việc dựa trên dữ liệu, chuyển dịch từ tư duy kinh nghiệm sang tư duy định lượng, dữ liệu trở thành nền tảng của quá trình ra quyết định và tổ chức thực thi công vụ, với tính khách quan, chính xác và hiệu quả cao; (2) Số hóa quy trình làm việc, các quy trình công vụ được thiết kế, vận hành trên nền tảng số, thay đổi cách thức tổ chức công việc, gắn với môi trường số và tuân thủ các quy trình điện tử; (3) Linh hoạt và thích ứng nhanh với môi trường số có tốc độ biến đổi cao, xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh, tính chủ động và sáng tạo cao; (4) Minh bạch, khả năng “truy vết”, trách nhiệm giải trình và khả năng kiểm soát quyền lực; (5) Chuyển làm việc từ đơn lẻ sang kết nối, từ phân tán sang phối hợp, xử lý công việc liên ngành, liên cấp.

Những đặc trưng trên là sự biến đổi về chất của hoạt động công vụ, chuyển sang phong cách làm việc trong đó công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà trở thành môi trường định hình hành vi công vụ. Trong đó, phong cách làm việc của cán bộ trong kỷ nguyên số nhấn mạnh ở phong cách lãnh đạo số, tư duy chiến lược dựa trên dữ liệu, ra quyết định nhanh, linh hoạt và điều phối hoạt động trên môi trường số. Phong cách làm việc của công chức nhấn

mạnh phong cách thực thi số, sử dụng thành thạo công nghệ, tuân thủ quy trình số và xử lý hiệu quả các nhiệm vụ trong môi trường trực tuyến.

3. Những vấn đề đặt ra về phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số ở Việt Nam hiện nay

3.1. Những chuyển biến tích cực.

Trong những năm gần đây, quá trình chuyển đổi số trong khu vực công ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo nền tảng quan trọng cho việc đổi mới phong cách làm việc của cán bộ, công chức: (1) Việc triển khai các chương trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử và hướng tới Chính phủ số đã thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, từng bước hình thành môi trường làm việc số; (2) Việc phát triển và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngày càng được đẩy mạnh; (3) Cổng dịch vụ công quốc gia và các cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh đã cho phép người dân, doanh nghiệp thực hiện nhiều thủ tục hành chính trên môi trường trực tuyến, giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; (4) Các hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia từng bước được triển khai, góp phần nâng cao tính liên thông, minh bạch và hiệu quả trong xử lý công việc; (5) Tại nhiều địa phương việc áp dụng hệ thống “một cửa điện tử”, xử lý hồ sơ trên môi trường số và sử dụng chữ ký số đã trở nên phổ biến, làm thay đổi rõ nét tác phong và lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo hướng chuyên nghiệp, công khai và trách nhiệm hơn... Những chuyển biến này bước đầu hình thành các yếu tố của phong cách làm việc số trong khu vực công, tuy nhiên các kết quả đạt được chưa đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương; mức độ chuyển biến về phong cách làm việc chưa theo kịp yêu cầu của kỷ nguyên số.

3.2. Những hạn chế

Khoảng cách giữa yêu cầu và khả năng đáp ứng về phong cách làm việc: (1) Khoảng cách giữa yêu cầu của phong cách làm việc trong kỷ nguyên số và khả năng đáp ứng còn lớn (xử lý công việc trên nền tảng số, nhưng tư duy và tác phong làm việc vẫn tồn tại dấu ấn hành chính truyền thống, ứng dụng công nghệ mới dừng lại ở “số hóa thao tác”, chưa chuyển hóa thành “phong cách làm việc số”);

(2) Phong cách làm việc dựa trên dữ liệu chưa hình thành rõ nét (dữ liệu ngày càng được số hóa, nhưng việc ra quyết định vẫn dựa chủ yếu vào kinh nghiệm hoặc báo cáo, chưa khai thác hiệu quả dữ liệu thời gian thực, tư duy dữ liệu và năng lực khai thác dữ liệu ổn định trong phong cách làm việc);

(3) Số hóa quy trình làm việc chưa đồng bộ với đổi mới phong cách làm việc (tình trạng xử lý song song hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy, quy trình số vận hành theo lô gíc cũ, chuyển đổi mới dừng ở “hình thức số hóa”, chưa tạo ra sự thay đổi thực chất về cách thức tổ chức và thực hiện công việc);

(4) Tính linh hoạt, khả năng thích ứng còn hạn chế (môi trường số đòi hỏi phản ứng nhanh và xử lý linh hoạt, nhưng nhiều cán bộ, công chức còn tâm lý ngại thay đổi, phụ thuộc vào quy trình cứng nhắc, thiếu chủ động xử lý tình huống phát sinh);

(5) Yêu cầu minh bạch và trách nhiệm giải trình chưa được đáp ứng (hệ thống số cho phép theo dõi, “truy vết” nhưng cập nhật thông tin và khai thác chức năng còn hạn chế, hiệu quả giám sát và kiểm soát trong hoạt động công vụ thấp;

(6) Mức độ kết nối và phối hợp trong hoạt động công vụ chưa cao (đã có các nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, nhưng tình trạng cục bộ, thiếu liên thông vẫn còn tồn tại, làm hạn chế hiệu quả phối hợp);

(7) Môi trường số, văn hóa số, kỷ luật số trong thực thi công vụ chưa được hình thành rõ nét (kỷ nguyên số đòi hỏi chuẩn mực mới về hành vi công vụ – giao tiếp trực tuyến chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình điện tử và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm... chưa trở thành thói quen).

3.3. Những bất cập về phong cách làm việc (biểu hiện theo chủ thể):

Một là, đối với cán bộ. Chưa hình thành rõ nét tư duy lãnh đạo số; cách thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành vẫn chịu ảnh hưởng của phương thức hành chính truyền thống, thiếu tính linh hoạt và thích ứng với môi trường số; quyết định quản lý chưa thực sự dựa trên dữ liệu; việc khai thác, phân tích và sử dụng dữ liệu trong lãnh đạo, điều hành còn hạn chế, làm giảm tính khoa học và kịp thời của quyết định; năng lực tổ chức, điều phối hoạt động trên nền tảng số chưa cao; chưa phát huy đầy đủ vai trò dẫn dắt trong việc định hình phong cách làm việc số trong cơ quan, đơn vị.

Hai là, đối với công chức. Kỹ năng số chưa đồng đều; khả năng sử dụng các hệ thống công nghệ, xử lý công việc trên môi trường số và thích ứng với các nền tảng làm việc mới còn hạn chế ở một bộ phận công chức; thói quen làm việc theo lối hành chính truyền thống còn phổ biến, thể hiện ở sự phụ thuộc vào hồ sơ giấy, xử lý công việc theo quy trình cứng nhắc, thiếu tính chủ động và linh hoạt trong môi trường số; thực thi công vụ chưa gắn chặt với yêu cầu của môi trường số (làm việc theo thời gian thực, tương tác trực tuyến, phối hợp trên nền tảng số).

3.4. Những nguyên nhân chủ yếu. (1) Thể chế (các quy định về cơ chế quản lý, áp dụng các quy trình nền tảng số, đánh giá, khuyến khích hình thành phong cách làm việc số) chưa đồng bộ; (2) Năng lực, tư duy và kỹ năng còn hạn chế (nhiều cán bộ, công chức chưa được đào tạo kỹ năng số, tư duy lãnh, quản lý đạo số và khả năng làm việc số chưa đồng đều); (3) Hạ tầng số chưa hoàn thiện (cơ sở vật chất – công nghệ, hệ thống dữ liệu chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu làm việc trực tuyến, chia sẻ thông tin và phối hợp đa cấp, chậm ứng dụng công nghệ trải nghiệm số...); (4) Thói quen hành chính truyền thống còn phổ biến (nhiều cán bộ, công chức vẫn duy trì các thói quen làm việc cũ, phụ thuộc hồ sơ giấy, quy trình cứng nhắc...); (5) Môi trường văn hóa công vụ số hình thành chậm.

4. Định hướng xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số

Những định hướng cốt lõi về xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số ở Việt Nam gồm: (1) Chuyển hóa phương thức làm việc (chuyển từ phương thức làm việc hành chính truyền thống sang phong cách làm việc dựa trên dữ liệu, linh hoạt, minh bạch và vận hành trong môi trường số); (2) Phân hóa theo chủ thể công vụ (xác lập yêu

cầu khác biệt về phong cách làm việc giữa cán bộ và công chức, phù hợp với vai trò lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ trong môi trường số); (3) Đồng bộ các yếu tố cấu thành (bảo đảm sự thống nhất giữa thể chế, năng lực, hạ tầng và môi trường công vụ trong quá trình hình thành phong cách làm việc số). (4) Hình thành văn hóa công vụ số (xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi công vụ phù hợp với môi trường số, làm nền tảng duy trì phong cách làm việc); (5) Gắn với tính khả thi và điều kiện thực tiễn (bảo đảm quá trình xây dựng phong cách làm việc số phù hợp với điều kiện phát triển và khả năng triển khai của hệ thống hành chính nhà nước)... Những định hướng này cho thấy, việc xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số là một quá trình có tính hệ thống, đòi hỏi sự cụ thể hóa thông qua các nhóm giải pháp đồng bộ về nhận thức, thể chế, nguồn lực và tổ chức thực hiện.

5. Giải pháp xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số

Thứ nhất, nhóm giải pháp về nhận thức và chuyển đổi tư duy.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phong cách làm việc trong kỷ nguyên số, chuyển từ “số hóa công cụ” sang “định hình phong cách làm việc số”; (2) Hình thành tư duy làm việc dựa trên dữ liệu, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hệ thống công vụ; (3) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị nêu gương, dẫn dắt chuyển đổi tư duy và phong cách làm việc; (4) Cán bộ, công chức chủ động học tập, thích ứng, từng bước hình thành thói quen và tác phong làm việc trên môi trường số; (4) Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn với thực hành, dự án và môi trường số thực tế... Đây là nhóm giải pháp tiền đề, quyết định hướng chuyển đổi và mức độ sẵn sàng của các chủ thể trong xây dựng phong cách làm việc mới. Chủ thể thực hiện nhóm giải pháp này là các cơ quan, tổ chức triển khai, người đứng đầu dẫn dắt và cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện.

Thứ hai, nhóm giải pháp về thể chế.

Hoàn thiện khung thể chế về công vụ số, chuẩn hóa quy trình công vụ trên môi trường số theo hướng thống nhất, liên thông; (2) Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế giải trình của cán bộ, công chức thông qua hệ thống theo dõi, “truy vết” dữ liệu; (3) Đổi mới cơ chế đánh giá cán bộ, công chức dựa trên dữ liệu thực thi công vụ; (4) Gắn xây dựng phong cách làm việc số với cải cách hành chính và phát triển dịch vụ công trực tuyến... Đây là nhóm giải pháp định hình chuẩn mực và khuôn khổ bắt buộc đối với phong cách làm việc. Chủ thể thực hiện nhóm giải pháp này là Chính phủ, bộ, ngành trung ương chủ trì; địa phương và cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Thứ ba, nhóm giải pháp về nguồn lực (trọng tâm là nhân lực và hạ tầng số).

Về nhân lực (nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; phát triển đội ngũ có khả năng phân tích dữ liệu, vận hành hệ thống số và thích ứng với môi trường làm việc mới...); (2) Về hạ tầng và dữ liệu (xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm đầy đủ, chính xác, cập nhật theo thời gian thực; phát triển nền tảng số phục vụ điều hành, phối hợp và giám sát công vụ liên thông đa cấp; số hóa toàn diện quy trình công vụ, tiến tới loại bỏ phương thức xử lý thủ công...). Đây là nhóm giải pháp bảo đảm điều kiện nền tảng, tạo môi trường cho phong cách làm việc số vận hành thực chất. Chủ thể thực hiện nhóm giải pháp này

là Chính phủ, bộ chuyên ngành và địa phương bảo đảm; cơ quan, đơn vị tổ chức khai thác; cán bộ, công chức trực tiếp sử dụng.

Thứ tư, nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện (triển khai). (1) Tái cấu trúc quy trình công vụ theo hướng rút gọn, số hóa và tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp; (2) Tổ chức làm việc theo mô hình linh hoạt, dựa trên nền tảng số và dữ liệu thời gian thực; (3) Xây dựng và duy trì văn hóa công vụ số với các chuẩn mực về minh bạch, kỷ luật số và trách nhiệm giải trình; (4) Triển khai thí điểm mô hình phong cách làm việc số; đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng điển hình; (5) Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên gắn với khen thưởng và xử lý vi phạm... Đây là nhóm giải pháp quyết định việc hiện thực hóa phong cách làm việc số trong thực tiễn. Chủ thể thực hiện nhóm giải pháp này là Chính phủ định hướng, địa phương và cơ quan, đơn vị trực tiếp triển khai và cán bộ, công chức thực thi.

Các giải pháp cần được triển khai theo lộ trình phù hợp: Ngắn hạn từ 1 – 3 năm, nâng cao nhận thức, hoàn thiện bước đầu thể chế, chuẩn hóa quy trình và triển khai thí điểm). Trung hạn từ 3 – 5 năm, đồng bộ hóa nguồn lực, hạ tầng và nền tảng số; mở rộng triển khai; hình thành văn hóa công vụ số. Dài hạn trên 5 năm, hoàn thiện hệ sinh thái công vụ số, đưa phong cách làm việc số trở thành chuẩn mực ổn định và phổ biến. Xây dựng phong cách làm việc của cán bộ, công chức trong kỷ nguyên số không chỉ là sự thay đổi phương thức làm việc, mà còn là quá trình tái cấu trúc hành vi công vụ trong môi trường số, được thực hiện thông qua sự đồng bộ giữa nhận thức, thể chế, nguồn lực và cơ chế vận hành theo một lộ trình phù hợp.

6. Kết luận

Xây dựng phong cách làm việc cho cán bộ, công chức phù hợp với kỷ nguyên số là yêu cầu khách quan, cấp thiết; đồng thời, là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Các định hướng và giải pháp được đề xuất nhấn mạnh tính hệ thống và đồng bộ, gắn với vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể và lộ trình triển khai phù hợp, qua đó tạo cơ sở cho việc chuyển đổi thực chất phong cách làm việc trong toàn bộ hệ thống công vụ góp phần hình thành nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch và thích ứng với yêu cầu phát triển đất nước trong Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Tiến sĩ Đối Văn Tặng

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nguồn: quanlynhanuoc.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Nội vụ (2021). *Chiến lược chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Chính phủ (2020). *Nghị quyết số 52/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
3. Nguyễn Văn Cường (2019). *Hành chính công và quản lý nhà nước hiện đại*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Thu Hà (2022). *Phong cách làm việc của công chức trong bối cảnh chuyển đổi số*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số tháng 5/2022.

5. Phạm Minh Hạnh (2023). *Quản trị công trong kỷ nguyên số: Lý luận và thực tiễn*. H.NXB Nội vụ.

6. Trần Thị Bích Ngọc (2022). *Công nghệ số và thay đổi phong cách làm việc trong hành chính công*. Tạp chí Chính sách công và Phát triển, tập 9, số 3/2022.

7. Hoàng Anh Tuấn & Lê Thị Kim Oanh (2021). *Đổi mới phong cách làm việc công chức theo định hướng chuyển đổi số*. Tạp chí Khoa học Hành chính, tập 10, số 2/2021.

8. OECD (2020). *Digital Government Index: Measuring Digital Government in the OECD*. Paris: OECD Publishing.

9. United Nations (2023). *E-Government Survey 2022: The Future of Digital Government*. New York: United Nations.

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP ĐỊNH HÌNH NỀN TẢNG TƯ DUY VÀ THỂ CHẾ QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI

Sáng ngày 25/6/2026, tại Trung tâm hội nghị tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phối hợp Báo Quân đội Nhân dân tổ chức Tọa đàm “Nhìn lại một năm vận hành mô hình Chính quyền địa phương 2 cấp tại tỉnh Cao Bằng”.

Công cụ giúp cán bộ xã nâng cao năng lực

Phát biểu tham luận tại cuộc tọa đàm, Tiến sĩ Hồ Đức Thắng, đại biểu Quốc hội, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Văn hóa - Xã hội của Quốc hội cho biết, sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chia sẻ của cán bộ, công chức xã là khối lượng công việc tăng lên nhiều, quá nhiều. Cán bộ xã đánh giá, công việc của xã hiện nay bằng toàn bộ công việc của xã cũ, huyện cũ cộng lại.

Trong bối cảnh công việc nhiều, tổ chức bộ máy mới được sắp xếp, nhiều cán bộ, công chức xã phải đảm nhiệm nhiệm vụ mới, còn ngỡ ngàng, bắt đầu làm quen công việc trên cương vị mới, có một công cụ sẽ giúp cán bộ, công chức xã nhanh chóng nâng cao được năng lực, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả công việc, đó là: Trí tuệ nhân tạo (AI).

Trong thời gian qua, công cụ AI đã có nhiều đột phá trong thời gian ngắn. Không dừng lại ở giao tiếp hỏi-đáp như trước đây. Các công cụ AI đã được nâng cấp như vũ bão trong thời gian ngắn.

Không dừng lại ở kỹ năng hỏi - đáp như xưa, AI hiện nay đã tự tạo ra được những công cụ giúp con người giải quyết được nhiều công việc một cách khá chất lượng và hiệu quả. Nếu cán bộ, công chức biết sử dụng hiệu quả AI, biết cách cung cấp dữ liệu cho AI, thì AI sẽ trợ giúp đắc lực cho công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Nhấn mạnh AI là cuộc cách mạng trong chuyển đổi số, sự thay đổi lớn trong tiến bộ của công nghệ, Tiến sĩ Hồ Đức Thắng đề nghị, tỉnh Cao Bằng, các xã, phường quan tâm, tập trung tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn, giúp cán bộ, công chức, viên chức thành thạo sử dụng AI phục vụ công việc, qua đó, nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức và viên chức.

Nhìn thẳng vào thực tiễn

Tọa đàm có sự tham gia của đông đảo chuyên gia, nhà khoa học, đại biểu, cán bộ, công chức xã, các đại biểu đã đóng góp nhiều tham luận, ý kiến có giá trị góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Phát biểu của đồng chí Lê Hải Hòa, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cho biết, đối với Cao Bằng - một tỉnh miền núi, biên giới, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp vừa là yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới tổ chức bộ máy; vừa là cơ hội để xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiện đại, gần dân, sát dân hơn; đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Sau một năm triển khai thực hiện, mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại Cao Bằng đã cơ bản vận hành ổn định, thông suốt. Công tác cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh.

Toàn tỉnh đã tiếp nhận hơn 173.000 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó có hơn 111.000 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, chiếm 64%. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 97%.

Quá trình triển khai mô hình mới đã từng bước hình thành phương thức quản trị địa phương theo hướng trực tiếp, gần dân, sát cơ sở hơn; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong giải quyết công việc ngay từ cơ sở; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cũng chỉ ra một số nội dung cần được khắc phục, khối lượng nhiệm vụ được giao cho cấp xã tăng mạnh trong khi nguồn nhân lực chưa được bổ sung tương xứng; một số lĩnh vực, như giải quyết thủ tục hành chính về đất đai còn quá tải cục bộ.

Hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại một số xã còn thiếu và chưa đồng bộ; nhiều xã vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ số. Một số thủ tục hành chính liên thông vẫn phát sinh chậm trễ do phụ thuộc vào quy trình phối hợp giữa nhiều cấp, nhiều ngành.

Một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã vẫn đang trong quá trình thích ứng với yêu cầu mới về năng lực quản trị, chuyển đổi số và thực thi công vụ trong điều kiện không còn cấp trung gian.

Với mục tiêu, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của bộ máy hành chính nhà nước, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện mô hình, khắc phục hạn chế hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn, đồng chí Lê Hải Hòa nhấn mạnh.

Định hình nền tảng tư duy và thể chế quản trị hiện đại

Tại cuộc tọa đàm, tham luận của Tiến sĩ Nguyễn Văn Đáng, Viện Lãnh đạo học và Hành chính công khẳng định, việc vận hành hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp đã định hình nền tảng tư duy và thể chế quản trị hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Phát biểu kết luận tọa đàm, Thiếu tướng Đoàn Xuân Bộ, Tổng Biên tập Báo Quân đội Nhân dân nhấn mạnh, chính quyền 2 cấp đã vận hành khá đồng bộ, ổn định, thông suốt; nhiều quy trình và thủ tục được rút ngắn giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành giữa cấp tỉnh và cấp xã trực tiếp hơn, nhanh chóng và thuận lợi hơn, giảm hẳn tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa các cơ quan, đơn vị; hầu hết các nhu cầu của người dân và doanh nghiệp đã được giải quyết ở cấp cơ sở...

Bên cạnh đó, đã xuất hiện những khó khăn, vướng mắc, như: Địa bàn rộng, dân cư phân tán, khối lượng công việc, nhất là với cấp xã tăng mạnh nhưng biên chế nhìn chung còn

mỏng, trình độ, năng lực chưa đồng đều, tỷ lệ cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực còn cao, một số lĩnh vực chuyên môn sâu còn thiếu cán bộ có trình độ.

Nguồn lực đầu tư, kết cấu hạ tầng và điều kiện làm việc mặc dù được quan tâm nhưng vẫn còn khó khăn, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ; vẫn còn tình trạng “lỗm sóng, thiếu sóng” ở nhiều xóm, đặc biệt còn những xóm vùng sâu, vùng xa chưa có điện lưới, chưa được phủ sóng di động, Internet.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống của Trung ương và địa phương đôi lúc chưa đồng bộ...

Cuộc tọa đàm đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý, đồng thời kiến nghị, đề xuất nhiều giải pháp khả thi, phù hợp với điều kiện đặc thù miền núi, biên giới ở Cao Bằng nhằm khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập, giúp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành trơn tru, phát huy hiệu quả hơn nữa trong thực tiễn.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính thức được vận hành thống nhất trong cả nước, tạo sự thay đổi căn bản về tổ chức bộ máy và tư duy tổ chức, thực thi quyền lực nhà nước theo hướng tinh gọn, trực tiếp, hiện đại.

Tuy nhiên, cuộc cải cách này có phạm vi tác động sâu rộng, chưa có tiền lệ cho nên thực tiễn triển khai đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

BÀI 1: PHÂN ĐỊNH RÕ HƠN CHỨC NĂNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Mặc dù được triển khai trong điều kiện khối lượng công việc rất lớn, thời gian khẩn trương và yêu cầu chuyển đổi sâu rộng, nhưng đến nay, mô hình mới cơ bản vận hành ổn định, giảm đầu mối trung gian, phân định lại vai trò, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã phù hợp yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Tăng tính trực tiếp trong chỉ đạo, điều hành

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng cho biết, một trong những thay đổi quan trọng nhất của mô hình là sự phân định rõ hơn vai trò, chức năng và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền. Cấp tỉnh tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược về quy hoạch, phân bổ nguồn lực, điều phối phát triển và kiểm tra, giám sát; cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách, cung ứng dịch vụ công và giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

Theo đó, có 2.541 nhiệm vụ, thẩm quyền đã được phân cấp, phân quyền hoặc phân định lại giữa các cấp chính quyền. Trong đó, có 949 nhiệm vụ được Trung ương phân cấp cho địa phương (cấp tỉnh 870 nhiệm vụ, cấp xã 79 nhiệm vụ); 1.164 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp

huyện trước đây đã giao cho cấp tỉnh 188 nhiệm vụ, cấp xã 859 nhiệm vụ, 117 nhiệm vụ bãi bỏ hoặc chuyển sang chủ thể thực hiện khác.

Việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền chi tiết, cụ thể đối với các cấp, các ngành đã mang lại những tín hiệu tích cực được thể hiện bằng các chỉ số về cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính... ngày càng trơn tru, hiệu quả hơn với tinh thần gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân.

Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Cần Thơ Đồng Văn Thanh cho biết, thành phố Cần Thơ mới được hình thành trên cơ sở hợp nhất ba địa phương, quy mô sáp nhập lớn khiến phạm vi quản lý, khối lượng công việc và yêu cầu phục vụ đều tăng nhiều lần so với trước. Giải quyết thách thức đó, thành phố Cần Thơ chuyển mạnh sang quản trị theo mục tiêu, tiến độ, sản phẩm và hiệu quả thực chất. Các tầng nấc trung gian rườm rà được cắt giảm để tăng cường chỉ đạo, điều hành trực tiếp, không để xảy ra khoảng trống lãnh đạo. Các quyết sách được triển khai nhanh chóng, đồng bộ, được tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở qua việc thành lập 15 đoàn giám sát đối với 109 tổ chức đảng trực thuộc.

Quý I/2026, tăng trưởng kinh tế thành phố đạt 7,02%; tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn tại trung tâm phục vụ hành chính công các cấp đạt tới 99,83%, tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 95%, giúp tiết kiệm hơn 483 triệu đồng chi phí tuân thủ.

Tại tỉnh Bắc Ninh, nhờ được phân cấp, ủy quyền nhiều hơn, cấp xã chủ động giải quyết công việc tại chỗ, giảm phụ thuộc vào cấp trên; các chương trình phát triển kinh tế-xã hội, nhất là các dự án hạ tầng, chuyển đổi số và an sinh xã hội được phân bổ tập trung, tránh tình trạng “mạnh ai nấy làm” như trước đây, do đó các xã, phường tiếp cận nguồn lực nhanh chóng và bình đẳng hơn.

Sớm hoàn thiện chức năng số hóa hồ sơ

Hiện nay, Cổng dịch vụ công quốc gia kết nối với hệ thống giải quyết thủ tục của 34 tỉnh, thành phố, với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (VNeID) được triển khai hiệu quả; nhiều địa phương chủ động ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, trạm công dân số và các giải pháp công nghệ mới trong cung cấp dịch vụ công.

Tuy nhiên, về mức độ phát triển hạ tầng số, khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu được đánh giá là có sự chênh lệch đáng kể. Công tác tích hợp, đồng bộ, làm sạch và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống vẫn đang trong quá trình triển khai. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được cập nhật, hoàn thiện đầy đủ, chưa tích hợp hoàn toàn về kho dữ liệu số của cấp tỉnh; chất lượng dữ liệu ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính chính xác, đồng bộ và khả năng khai thác dùng chung.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Văn Phương cho biết, việc triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của các bộ, ngành thời gian qua đã góp phần quan trọng trong thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, do đây là hệ thống mới, phạm vi triển khai rộng, khối lượng hồ sơ lớn và yêu cầu liên thông nhiều cấp, nhiều ngành

cho nên trong quá trình vận hành thực tế vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện.

Hiện nay, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống của bộ, ngành với hệ thống của địa phương và Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa thật sự đồng bộ ở một số khâu. Một số thời điểm, hệ thống phát sinh lỗi kỹ thuật, tốc độ xử lý còn chậm hoặc việc liên thông dữ liệu chưa ổn định, ảnh hưởng nhất định đến quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của địa phương.

Từ ngày 01/01/2026, khi các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của bộ, ngành được triển khai trên địa bàn tỉnh, cán bộ, công chức và người dân phải làm việc trên nhiều nền tảng khác nhau với giao diện, quy trình và cách thức vận hành chưa hoàn toàn thống nhất. Việc cấp tài khoản, phân quyền xử lý, phân luồng hồ sơ ở một số thời điểm còn cần tiếp tục điều chỉnh để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và đặc thù tổ chức của từng địa phương. Một số quy trình điện tử cũng đang trong quá trình hoàn thiện cho nên chưa phản ánh đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính.

Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến còn gặp một số khó khăn do quy trình xử lý giữa các hệ thống chưa đồng nhất; việc tích hợp thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, lưu trữ và tái sử dụng dữ liệu điện tử của người dân ở một số lĩnh vực vẫn cần tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện. Một số thủ tục liên thông giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn phát sinh lỗi kỹ thuật, dẫn đến việc cán bộ phải thực hiện thêm các thao tác kiểm tra, đối chiếu hoặc cập nhật dữ liệu để bảo đảm tính chính xác của hồ sơ.

Thực tiễn triển khai cũng cho thấy một số hệ thống hiện vẫn được xây dựng trên cơ sở quy trình quản lý trước đây, trong khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra nhiều yêu cầu mới về tổ chức thực hiện, phân cấp, ủy quyền và xử lý hồ sơ liên thông. Vì vậy, ở một số lĩnh vực như đất đai, đầu tư, xây dựng hoặc các thủ tục có tính liên ngành, việc cập nhật, chuẩn hóa quy trình điện tử cần thêm thời gian để hoàn thiện, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản lý và thực tiễn vận hành tại địa phương.

Một khó khăn khác là hiện nay công tác theo dõi, tổng hợp, thống kê và đánh giá tiến độ giải quyết hồ sơ còn được thực hiện trên nhiều hệ thống khác nhau. Điều này phần nào ảnh hưởng đến việc khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành cũng như việc theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị.

Từ thực tiễn triển khai tại Bắc Ninh, đồng chí Nguyễn Văn Phương đề nghị các bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm hoàn thiện các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống của địa phương; đồng thời sớm hoàn thiện các chức năng về số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến, lưu trữ dữ liệu điện tử, thống kê, báo cáo và giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ.

Cần tiếp tục có cơ chế hỗ trợ kỹ thuật kịp thời, thống nhất quy trình nghiệp vụ, bảo đảm các hệ thống vận hành ổn định, thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại trong giai đoạn phát triển mới.

Trong bối cảnh quản trị hiện đại ngày càng dựa trên dữ liệu và công nghệ số, các nội dung nêu trên không chỉ là vấn đề về hạ tầng kỹ thuật mà còn nhằm giải quyết thách thức để nâng cao năng lực quản trị, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng của bộ máy.

Khi dữ liệu giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan được kết nối, chia sẻ sẽ đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, tài liệu và cấu trúc lại quy trình giải quyết thủ tục hành chính; chuyển mạnh mẽ từ quản lý dựa trên hồ sơ, giấy tờ sang quản trị dựa trên dữ liệu và bằng chứng, từ đó nâng cao năng lực dự báo, giám sát, điều hành và ra quyết định...

BÀI 2: NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG

Thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp cho thấy, số lượng đầu mối tổ chức bộ máy đã giảm nhưng hiệu quả quản trị có nơi chưa đạt yêu cầu; thẩm quyền được phân cấp song nguồn lực, năng lực thực thi tại một số nơi chưa đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở chưa đồng đều, một bộ phận còn gặp khó khăn để thích ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là trong điều hành ngân sách, quản lý đầu tư, xây dựng.

Cần tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

Khi giảm tầng nấc trung gian, mở rộng phạm vi quản lý và tăng cường tính tự chủ của địa phương thì yêu cầu đặt ra về năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương phải cao hơn, nhất là việc chuyển từ phương thức quản lý hành chính theo quy trình sang quản trị địa phương theo kết quả, hiệu quả đang đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ đối với đội ngũ cán bộ, công chức và toàn bộ hệ thống chính quyền địa phương.

Tuy vậy, nhiều nơi vẫn đang loay hoay tìm giải pháp hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ; tình trạng chênh lệch biên chế vẫn tồn tại, nhất là thiếu nhân lực chất lượng cao, nhân lực trong các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn sâu, tạo ra thách thức lớn cho việc bảo đảm tính thực chất và hiệu quả của quá trình phân cấp, phân quyền.

Hệ thống quy định, hướng dẫn liên quan tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính, quản lý tài sản công chưa được hoàn thiện đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện và xử lý các tình huống phát sinh.

Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Cần Thơ Đồng Văn Thanh cho rằng: Để mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành tối ưu, trở thành công cụ giải phóng nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội, Cần Thơ xây dựng cơ chế phối hợp liên thông các lĩnh vực có tính liên ngành cao như đất đai, xây dựng, đầu tư, tài chính, môi trường. Linh hoạt tổ chức bộ máy phù hợp cho các xã, phường quy mô lớn, thay vì áp dụng cứng một khung bình quân chung; ưu tiên đào tạo, bố trí nhân lực cho các lĩnh vực “nóng” như công nghệ thông tin, đất đai, tư pháp - hộ tịch. Địa phương kiến nghị các cơ quan Trung ương xem xét điều chỉnh tăng khung số lượng chức danh lãnh đạo cấp xã đối với địa bàn trọng điểm; ban hành hướng dẫn vị trí việc làm viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã vừa hình thành và sớm liên thông các phần mềm chuyên ngành để tháo gỡ triệt để các rào cản công nghệ.

Yêu cầu cốt lõi của mô hình chính quyền địa phương hai cấp là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của địa phương, nhưng hiệu quả không

chỉ phụ thuộc vào việc giao thẩm quyền mà còn ở cả khả năng bảo đảm các điều kiện thực hiện tương ứng. Thực tế vừa qua, khối lượng nhiệm vụ giao về cấp xã tăng quá nhanh (gần 1.400 nhiệm vụ) nhưng chưa đi kèm đầy đủ quy trình, phần mềm, nhân lực và kinh phí.

Khung tổ chức bộ máy cấp xã (bình quân 4,5 phòng/đơn vị hành chính theo Nghị định số 370/2025/NĐ-CP) chưa đủ linh hoạt so với các địa bàn có dân số lớn, khối lượng hồ sơ đất đai, xây dựng, tài chính phức tạp.

Nhiều ý kiến đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sửa đổi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP theo hướng tăng số phòng chuyên môn cấp xã và tương đương lên năm phòng để kịp thời nâng cao chất lượng quản lý nhà nước; điều chỉnh quy định về định mức công chức cấp xã bảo đảm phù hợp tình hình thực tế. Bộ Xây dựng sớm ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ban quản lý dự án xây dựng cấp xã; các bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Công thương khẩn trương có hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã.

Đối với mô hình trung tâm phục vụ hành chính công các cấp, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Văn Phương chia sẻ, việc tổ chức hiện nay thiếu thống nhất, gây khó khăn trong quản lý, vận hành và đánh giá hiệu quả. Chính phủ cần ban hành hướng dẫn tổ chức bộ máy thống nhất trên phạm vi toàn quốc, trong đó quy định cụ thể về số lượng biên chế (công chức hay viên chức), quy định thống nhất về các phòng, bộ phận chuyên môn trực thuộc, cũng như cơ chế phối hợp giữa trung tâm với các cơ quan, đơn vị liên quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

Đại biểu Quốc hội Trần Thị Hoa Ry (Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Đoàn Cà Mau) và nhiều ý kiến cho rằng: Một trong những vấn đề lớn là phân cấp chưa thực chất; cụ thể, nhiều nhiệm vụ được chuyển xuống cơ sở nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc cấp trên. Điều này dẫn đến tình trạng “giao việc nhưng chưa giao quyền”. Như vậy, trên thực tế chỉ giảm tầng nấc mà không giảm việc, không tối ưu quy trình, ở không ít nơi đã diễn ra tình trạng chuyển áp lực từ cấp trên xuống cấp dưới, làm nghẽn hệ thống ngay tại nơi gần dân nhất.

Đề cập giải pháp giải quyết những bất cập, khó khăn, đại biểu Quốc hội Trịnh Xuân An (Đoàn Đồng Nai, Ủy viên hoạt động chuyên trách Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại) đề xuất và kiến nghị: Thời gian tới, các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu phân cấp, phân quyền triệt để hơn nữa cho địa phương về biên chế, thẩm quyền, ngân sách; “khoán” biên chế cho tỉnh tính theo quy mô và đặc thù; đẩy mạnh chuyển đổi số.

Phát huy đầy đủ tính hiệu quả theo mục tiêu đề ra

Ngày 19/6/2026, Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Thông báo số 100-TB/VPTW, thông báo kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại cuộc làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết một năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền ba cấp, nêu rõ: Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương,

các ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy tiếp tục hoàn thiện báo cáo sơ kết để trình hội nghị sơ kết toàn quốc (ngày 01/7/2026).

Việc làm rõ các nội dung gợi ý định hướng được nêu tại thông báo chính là cơ sở cốt lõi giúp mô hình phát huy đầy đủ tính hiệu quả theo mục tiêu đề ra. Qua đó giúp nhìn nhận, đánh giá sâu rộng thực trạng để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa mô hình tổ chức với hệ thống pháp luật hiện hành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền theo hướng giao thực quyền nhiều hơn cho địa phương gắn với hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, tăng cường trách nhiệm giải trình, trách nhiệm của người đứng đầu.

Vấn đề cũng sẽ được làm rõ, chính là tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền theo hướng tinh gọn, rõ trách nhiệm, giảm tầng nấc trung gian và nâng cao tính chủ động trong quản lý, điều hành. Đồng thời, hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, chú trọng đổi mới tư duy quản trị theo hướng chuyển từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị phát triển.

Trong công tác cán bộ, tiếp tục đổi mới công tác đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ và sản phẩm đầu ra; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng và tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong giai đoạn phát triển mới.

Đại biểu Trần Thị Hoa Ry (Đoàn Cà Mau) và đông đảo cử tri, các đại biểu Quốc hội rất quan tâm đến vấn đề - Đó là tình trạng các cán bộ cấp xã đang phải làm nhiều việc cùng lúc sau tinh gọn; đề nghị giám sát toàn diện mô hình hai cấp để tháo gỡ vướng mắc, cải thiện đời sống cán bộ cơ sở và phân cấp thực chất. Vấn đề này đã được nêu trong báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các diễn đàn của Quốc hội, phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó kiến nghị Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo tháo gỡ khó khăn khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đồng thời xem xét chính sách đối với cán bộ, công chức cấp cơ sở và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố...

Từ những yêu cầu thực tiễn được phản ánh từ địa phương, theo Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng, một nhiệm vụ quan trọng là tiếp tục nâng cao chất lượng dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước chuyển từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ, giấy tờ sang quản trị dựa trên dữ liệu và bằng chứng; nâng cao năng lực dự báo, giám sát, điều hành và ra quyết định của chính quyền địa phương.

Các nguồn lực bảo đảm cho vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng không thể thiếu, nhất là điều kiện về nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng số; gắn trách nhiệm với quyền hạn và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Cần có cơ chế hỗ trợ phù hợp các địa phương còn khó khăn, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa, thu hẹp khoảng cách về năng lực quản trị và chất lượng cung ứng dịch vụ công giữa các địa phương.

Nguồn: nhandan.vn

TỪ “GIẢM CẤP TRUNG GIAN” ĐẾN TÁI CẤU TRÚC QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp gắn với chuyển đổi số là bước đột phá chiến lược, thể hiện tư duy đổi mới, sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong tái cấu trúc quản trị quốc gia thời đại dữ liệu. Việt Nam đang từng bước chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang quản trị số hiện đại, thông minh.

Những thay đổi rất nhanh của công nghệ số đang tạo áp lực ngày càng lớn đối với cách vận hành của nền hành chính truyền thống. Nhiều quy trình quản lý trước đây vốn phù hợp với môi trường giấy tờ và xử lý theo cấp trung gian, nay bộc lộ không ít hạn chế về tốc độ và tính liên thông. Trong khi các giao dịch dân sự, tài chính hay thương mại điện tử hiện được thực hiện gần như tức thời trên môi trường số thì ở một số thủ tục hành chính, tình trạng kê khai lặp lại hoặc xử lý qua nhiều khâu vẫn còn xuất hiện. Chính thực tế này là một trong những lý do khiến Đảng và Nhà nước thời gian qua liên tục nhấn mạnh yêu cầu tinh gọn bộ máy, đổi mới phương thức điều hành và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu quả, phục vụ nhân dân

Tháng 6/2025, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), xác lập mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gồm cấp tỉnh và cấp xã, đây là bước thay đổi có ý nghĩa lịch sử trong tiến trình cải cách tổ chức bộ máy nhà nước. Đặc biệt, từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính thức được vận hành đồng bộ trên phạm vi toàn quốc tại 34 tỉnh, thành phố. Thông điệp được nhấn mạnh trong quá trình triển khai là xây dựng nền hành chính tinh gọn; hiệu lực; hiệu quả; gần dân; phục vụ nhân dân tốt hơn.

Nếu trước đây hiệu quả điều hành phụ thuộc khá nhiều vào cấp trung gian thì trong môi trường số, năng lực xử lý dữ liệu và khả năng điều hành theo thời gian thực ngày càng trở thành yếu tố quyết định. Chính vì vậy, cùng với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 759/QĐ-TTg về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương mới theo hướng tinh gọn, giảm trung gian và tăng tính chủ động cho cơ sở. Nhiều lĩnh vực liên quan đến xây dựng, hạ tầng và quản lý đô thị trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện nay được giao trực tiếp cho cấp xã giải quyết. Điều này giúp rút ngắn quy trình xử lý, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu rất lớn về dữ liệu và năng lực điều hành số ở cấp cơ sở. Việc phân cấp mạnh như vậy cũng đồng thời đặt ra yêu cầu bắt buộc về chuyển đổi số. Bởi nếu dữ liệu không liên thông, nếu quy trình không được số hóa, nếu cán bộ cơ sở không có năng lực điều hành số, thì nguy cơ quá tải công việc ở cấp xã sẽ rất lớn. Chính vì vậy, thời gian gần đây, Chính phủ liên tục nhấn mạnh vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như động lực trung tâm của quá trình đổi mới mô hình bộ máy quản lý. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương

phải xem chuyển đổi số và Đề án 06 là nền tảng cho quá trình đổi mới quản trị Nhà nước trong giai đoạn mới.

Tái cấu trúc sâu sắc về phương thức quản trị

Một trong những nhận thức chưa đầy đủ hiện nay là xem việc xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp chỉ là hoạt động giảm tầng nấc hành chính. Thực chất, đây là bước tái cấu trúc sâu sắc về phương thức quản trị. Trong mô hình hành chính truyền thống, quyền lực quản lý được phân tầng qua nhiều cấp nhằm bảo đảm tính kiểm soát theo chiều dọc. Tuy nhiên, trong môi trường số, khi dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực và hệ thống điều hành có thể giám sát trực tiếp, nhu cầu duy trì quá nhiều tầng trung gian bắt đầu giảm dần. Nói cách khác, dữ liệu đang thay đổi logic vận hành của bộ máy Nhà nước. Trước đây, nhiều hoạt động điều hành còn phụ thuộc khá lớn vào quy trình báo cáo theo cấp hành chính và xử lý hồ sơ giấy. Hiện nay, dữ liệu số và các hệ thống điều hành trực tuyến đang làm thay đổi khá rõ cách vận hành đó. Phản ánh của người dân được cập nhật tức thời; hệ thống điều hành thông minh có thể giám sát theo thời gian thực; trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ phân tích, cảnh báo và dự báo.

Điều này dẫn tới sự chuyển dịch quan trọng, đó là hiệu quả quản trị không còn phụ thuộc chủ yếu vào số lượng tầng nấc quản lý, mà phụ thuộc vào năng lực xử lý dữ liệu và điều hành số. Trong các định hướng lớn chuẩn bị cho Đại hội XIV, các vấn đề, như: xây dựng chính quyền số; đổi mới phương thức quản trị; nâng cao hiệu lực điều hành; phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia được đặt ở vị trí đặc biệt quan trọng. Những định hướng đó cho thấy chuyển đổi số đang được đặt ngày càng gần với yêu cầu đổi mới phương thức điều hành và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, đó là chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà là đổi mới mô hình tổ chức quyền lực quản trị phù hợp với điều kiện xã hội số.

Thực tiễn triển khai tại nhiều địa phương cũng cho thấy, nơi nào thúc đẩy mạnh chuyển đổi số, nơi đó hiệu quả quản trị được nâng lên rõ rệt. Đà Nẵng, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh đang đi đầu trong xây dựng trung tâm điều hành thông minh (IOC), tích hợp dữ liệu giao thông, y tế, giáo dục, môi trường nhằm phục vụ điều hành theo thời gian thực.

Qua khảo sát cho thấy, chương trình tiêu biểu phản ánh rõ nhất quá trình tái cấu trúc mô hình quản lý Nhà nước bằng dữ liệu ở Việt Nam hiện nay đó chính là Đề án 06. Trong thời gian gần đây, nhiều phát biểu của Chính phủ và Bộ Công an đều nhấn mạnh vai trò nền tảng của Đề án 06 đối với chuyển đổi số quốc gia.

Điểm đặc biệt của Đề án 06 nằm ở chỗ, đây là lần đầu tiên Việt Nam triển khai đồng thời việc xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư; phát triển định danh điện tử; xác thực điện tử; tích hợp dịch vụ công; liên thông dữ liệu quốc gia; thanh toán số; số hóa quy trình quản lý Nhà nước; trên quy mô toàn quốc và theo hướng tích hợp đồng bộ. Nói cách khác, nếu chuyển đổi số là “cuộc cách mạng phương thức quản trị”, thì Đề án 06 chính là “bộ não số” đang từng bước hình thành để bảo đảm cho bộ máy Nhà nước vận hành theo logic mới của thời đại dữ liệu.

Theo đánh giá của Bộ Công an, đến nay cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với hàng chục bộ, ngành, địa phương, phục vụ hàng nghìn dịch vụ công trực tuyến, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình xây dựng Chính phủ số và chính quyền số. Đề án 06 hiện nay không

còn được nhìn nhận như một chương trình nghiệp vụ riêng của lực lượng Công an, mà đã trở thành “hạ tầng mềm” phục vụ toàn bộ nền hành chính quốc gia. Yêu cầu liên thông dữ liệu và phát triển dịch vụ công trực tuyến hiện xuất hiện ngày càng nhiều trong các chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Một minh chứng tiêu biểu khác là Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch 73/KH-UBND năm 2026 triển khai Đề án 06 với định hướng phát triển toàn diện dữ liệu dân cư, định danh điện tử và xác thực điện tử nhằm phục vụ hình thành chính quyền số và công dân số giai đoạn 2026 - 2030. Điều này cho thấy các địa phương hiện nay không còn tiếp cận Đề án 06 như nhiệm vụ hành chính đơn lẻ, mà đang xem đây là nền tảng tái cấu trúc phương thức điều hành và phục vụ người dân. Sự hình thành “bộ não số” quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Chính phủ liên tục yêu cầu bảo đảm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp “thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn”. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương phải đẩy mạnh liên thông dữ liệu; số hóa quy trình; tích hợp dịch vụ công; nâng cao năng lực điều hành số của chính quyền cơ sở.

Chuyển từ “hành chính điện tử” sang “điều hành thông minh bằng dữ liệu”

Cùng với dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành công nghệ có ảnh hưởng ngày càng rõ đối với hoạt động quản lý Nhà nước. Trong vài năm gần đây, AI bắt đầu được ứng dụng ngày càng nhiều trong hoạt động quản lý Nhà nước và dịch vụ công. Nếu như giai đoạn trước đây, cải cách hành chính chủ yếu tập trung vào đơn giản hóa thủ tục; số hóa hồ sơ; tinh gọn tổ chức bộ máy thì hiện nay, AI đang thúc đẩy bước chuyển cao hơn, đó là chuyển từ “hành chính điện tử” sang “điều hành thông minh bằng dữ liệu”. Xu hướng này đang diễn ra rất rõ trên phạm vi toàn cầu. Nhiều quốc gia đã bắt đầu ứng dụng AI và điều hành đô thị; quản lý giao thông; dự báo thiên tai; giám sát an ninh; hỗ trợ xử lý thủ tục hành chính; phân tích dữ liệu xã hội; xây dựng Chính phủ thông minh.

Tại Việt Nam, AI cũng đang từng bước được tích hợp vào hoạt động quản lý Nhà nước và điều hành công quyền. Điển hình, Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai chiến lược “AI City” nhằm ứng dụng AI vào giao thông thông minh; quản lý dân cư; y tế số; giáo dục số; điều hành đô thị. Nhiều địa phương đã triển khai chatbot hỗ trợ thủ tục hành chính; trợ lý ảo công vụ; tổng đài AI hỗ trợ người dân; nền tảng phản ánh hiện trường thông minh. Việc ứng dụng AI bước đầu hỗ trợ giảm áp lực xử lý hồ sơ ở một số lĩnh vực dịch vụ công. Điều này đặc biệt quan trọng đối với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay. Trong mô hình mới, khi nhiều tầng nấc trung gian được tinh gọn và nhiều thẩm quyền được phân cấp mạnh cho cấp xã, thì yêu cầu về tốc độ xử lý; năng lực điều hành; mức độ tương tác với người dân sẽ cao hơn rất nhiều.

Bên cạnh những lợi ích trong điều hành và dịch vụ công, AI cũng đang đặt ra nhiều vấn đề mới liên quan đến an ninh mạng, tin giả và bảo vệ dữ liệu. Sự phát triển nhanh của deepfake; tin giả; tấn công mạng bằng AI đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với an ninh quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu rất lớn về việc chuyển đổi số phải gắn chặt với bảo đảm an ninh mạng, chủ quyền dữ liệu và bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng. Đó cũng là

lý do trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, các vấn đề AI; dữ liệu quốc gia; chủ quyền số; an ninh mạng; bảo vệ không gian mạng quốc gia; đổi mới phương thức lãnh đạo trong xã hội số được đặt ở vị trí đặc biệt quan trọng. Bộ Chính trị xác định AI, dữ liệu lớn và công nghệ số là nền tảng chiến lược để phát triển lực lượng sản xuất mới và nâng cao năng lực quản lý Nhà nước.

Phạm Đình Hùng – Vũ Duy Hoang (Giảng viên Trường Đại học An ninh Nhân dân)

Nguồn: [congan.com.vn](#)

TĂNG TỐC SỐ HÓA DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI: TÁI CẤU TRÚC THỦ TỤC ĐỀ VỀ ĐÍCH TRONG NĂM 2026

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cả nước đã xây dựng dữ liệu cho 64,4 triệu thửa đất, song quá trình triển khai vẫn còn không ít khó khăn khi hàng chục triệu thửa đất hiện vẫn chưa có dữ liệu hoặc chưa đạt chuẩn.

Trước áp lực hoàn thành mục tiêu trong năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các địa phương đang tăng tốc làm sạch dữ liệu đất đai, đẩy mạnh đồng bộ với cơ sở dữ liệu dân cư và tái cấu trúc thủ tục hành chính, tạo nền tảng cho quản trị đất đai hiện đại và chuyển đổi số quốc gia.

Tạo nền tảng cho quản lý đất đai hiện đại

Sau hơn 4 tháng triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai), công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đã đạt nhiều kết quả tích cực, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ quản lý, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai.

Tại hội nghị sơ kết mới đây, ông Mai Văn Phấn, Phó Cục trưởng Cục Quản lý đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cho biết bộ này đã hoàn thành 5 trong tổng số 9 nhiệm vụ trọng tâm được giao. Trong đó, một trong những kết quả nổi bật là việc ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT (quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai) đã tạo khung kỹ thuật thống nhất trên phạm vi cả nước cho công tác đo đạc địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Cùng với đó, hạ tầng công nghệ thông tin ở Trung ương cũng tiếp tục được hoàn thiện; phần mềm thống nhất phục vụ quản lý, vận hành hệ thống thông tin đất đai đã được lựa chọn và triển khai.

Công tác hướng dẫn địa phương tái cấu trúc thủ tục hành chính được đẩy mạnh theo hướng giảm giấy tờ, tăng khai thác dữ liệu số.

Trong thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng đã thành lập 9 đoàn công tác liên ngành làm việc trực tiếp với các địa phương, đồng thời xây dựng công cụ trực tuyến hỗ trợ xử lý vướng mắc 24/7.

Số liệu cập nhật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho thấy đến ngày 15/6/2026, cả nước đã xây dựng dữ liệu cho 64,4 triệu thửa đất trên tổng số 102,5 triệu thửa, đạt khoảng 63% khối lượng công việc. Trong số này, có khoảng 28,8 triệu thửa đất đã đạt trạng thái “đúng - đủ - sạch - sống.”

Nhiều địa phương cũng đã ghi nhận kết quả nổi bật như Thành phố Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Tây Ninh và Thanh Hóa. Về chất lượng dữ liệu, Đồng Nai, Huế và Đồng Tháp nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Đối với việc đồng bộ dữ liệu lên trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu với 4,2 triệu thửa đất, tiếp theo là Thái Nguyên, Gia Lai...

Thực tiễn tại các địa phương cũng cho thấy nhiều cách làm sáng tạo, quyết liệt. Tại Lào Cai, ngay sau khi Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA (về tăng cường, đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai) được ban hành, tỉnh Lào Cai đã phát động đợt thi đua “120 ngày đêm,” rút ngắn thời gian thực hiện từ 9 tháng xuống còn 4 tháng.

Để đạt được kết quả trên, thời gian qua, tỉnh Lào Cai đã triển khai theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm” gắn trách nhiệm cụ thể tới từng đơn vị. Đặc biệt, 100% xã, phường đã thành lập các tổ công tác trực tiếp xuống cơ sở để rà soát, chuẩn hóa dữ liệu.

Tại Đồng Tháp, tính đến cuối tháng 5/2026, địa phương này cũng đã xây dựng và đồng bộ 2,36 triệu thửa đất lên hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, trong đó có 1,24 triệu thửa đạt chuẩn “đúng - đủ - sạch - sống.”

Quá trình triển khai tại tỉnh Đồng Tháp cũng đã giúp địa phương đúc kết 5 bài học quan trọng: Lấy dữ liệu làm nền tảng cải cách; lấy dữ liệu thay giấy tờ; gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số; tăng cường phối hợp liên ngành; duy trì dữ liệu ở trạng thái “sống.”

Hay như tỉnh Thanh Hóa, từ vị trí thứ 33/34 địa phương, chỉ sau một quý triển khai, Thanh Hoá đã có bước tiến nổi bật, vươn lên vị trí thứ 15/34, trở thành một trong những địa phương có tốc độ cải thiện mạnh nhất cả nước.

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng, kết quả tích cực tại nhiều địa phương cho thấy yếu tố quyết định thành công là sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành nông nghiệp và môi trường với lực lượng công an trong quá trình đối soát, xác thực dữ liệu dân cư.

Tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai

Dù đạt nhiều kết quả tích cực, song theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, khối lượng công việc phía trước liên quan đến dữ liệu đất đai vẫn còn rất lớn.

Ông Mai Văn Phấn, Phó Cục trưởng Cục Quản lý đất đai cho biết hiện trên cả nước vẫn còn khoảng 35,6 triệu dữ liệu thửa đất chưa đạt chuẩn “đúng - đủ - sạch - sống.” Nguyên nhân

chủ yếu là do dữ liệu được xây dựng qua nhiều giai đoạn, chưa cập nhật theo tiêu chuẩn kỹ thuật mới, thiếu thông tin người sử dụng đất hoặc chưa phản ánh đầy đủ các biến động về quyền sử dụng đất.

Đáng chú ý, theo đại diện Cục Quản lý đất đai, hiện cả nước vẫn còn 38,1 triệu thửa đất chưa có dữ liệu, chiếm khoảng 37% tổng số thửa đất. Trong đó, khối lượng tồn đọng tập trung chủ yếu tại các địa phương có quy mô lớn như Thanh Hóa, Phú Thọ, Nghệ An, Tuyên Quang và Quảng Ninh.

Bên cạnh đó, bài toán nguồn lực tiếp tục là thách thức không nhỏ. Thống kê của Cục Quản lý đất đai cho thấy có tới 18 trong số 34 địa phương đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ với tổng nhu cầu gần 15.000 tỷ đồng.

Mặt khác, quá trình đồng bộ dữ liệu từ địa phương lên hệ thống quốc gia cũng phát sinh nhiều khó khăn kỹ thuật do dữ liệu chưa đạt chuẩn hoặc hệ thống quá tải khi nhiều địa phương thực hiện đồng bộ cùng thời điểm. Minh chứng là dù đã có 28,8 triệu thửa đất đạt chuẩn dữ liệu sống, song đến nay mới chỉ có 1,06 triệu dữ liệu được đồng bộ lên Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Ngoài ra, mặc dù hiện có 28/34 tỉnh, thành phố đã thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tuy nhiên tỷ lệ tái cấu trúc hiện mới đạt hơn 41%, chưa đáp ứng yêu cầu vận hành đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn quốc. Theo Cục Quản lý đất đai, nguyên nhân chủ yếu là quá trình phân cấp, phân quyền mạnh cho địa phương khiến nhiều nơi còn lúng túng trong xây dựng quy trình, thủ tục mới.

Từ thực tế trên, đại diện một số địa phương cho rằng việc làm sạch dữ liệu đất đai chỉ thực sự hiệu quả khi được đối chiếu, xác thực đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Cách làm này giúp giảm đáng kể sai lệch thông tin, rút ngắn thời gian xác minh và nâng cao độ chính xác của dữ liệu. Song song với đó, tái cấu trúc thủ tục hành chính được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai sau khi hoàn thành.

Phó Cục trưởng Cục Quản lý đất đai Mai Văn Phấn nhấn mạnh việc kết nối dữ liệu cư trú, dữ liệu thửa đất đã số hóa và các cơ sở dữ liệu liên quan sẽ giúp hệ thống luôn vận hành theo thời gian thực, bảo đảm dữ liệu “sống” và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các địa phương khẩn trương hoàn thiện thủ tục hành chính đất đai; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành; huy động sự tham gia của các đơn vị cung cấp phần mềm ngay từ giai đoạn xây dựng quy trình nghiệp vụ nhằm bảo đảm đồng bộ giữa hạ tầng số và quy trình giải quyết thủ tục.

Trước đó, tại phiên họp lần thứ nhất Ban chỉ đạo của Bộ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng nhấn mạnh Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thường được nhắc đến với ba trụ cột gồm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Vì vậy, nếu dữ liệu đất đai không được xây dựng nghiêm túc thì rất khó hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số liên quan theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Tại hội nghị sơ kết thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA mới đây, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng tiếp tục khẳng định bộ sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an hoàn thiện phần mềm, tăng cường hướng dẫn và hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Về phía địa phương, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cũng đã ban hành Công văn số 2753/UBND-NNMT, yêu cầu tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trên toàn địa bàn.

Theo kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành rà soát, chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai đạt tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống” đối với toàn bộ các thửa đất ở, đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp đã đo đạc, tương đương khoảng 3,25 triệu thửa, trước ngày 30/6. Đối với diện tích đất nông nghiệp đang trong quá trình đo đạc, khoảng 950.000 thửa, thành phố yêu cầu hoàn thành trước ngày 30/8/2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ XỬ LÝ, KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ SAU SẮP XẾP BỘ MÁY

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính.

Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính (sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), bao gồm cả sắp xếp tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; gồm:

a) Quản lý, khai thác nhà, đất dôi dư do cơ quan, người có thẩm quyền có Quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương (sau đây gọi là tổ chức quản lý, kinh doanh nhà) kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 mà chưa đưa vào khai thác.

b) Xử lý nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính (bao gồm cả nhà, đất của đơn vị không còn nhu cầu sử dụng trước thời điểm sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính và sau thời điểm sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính vẫn tiếp tục xác định là dôi dư).

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Quản lý, khai thác nhà, đất dôi dư giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà

Nghị quyết nêu rõ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được toàn quyền quyết định việc quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư và các cơ sở nhà, đất dôi dư giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà của địa phương quản lý, khai thác, kể cả các cơ sở nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý nhưng đã chuyển giao cho địa phương quản lý, xử lý hoặc địa phương thu hồi, đảm bảo lợi ích tổng thể kinh tế, xã hội của địa phương; kiểm soát chặt chẽ các yếu tố ảnh hưởng tới quốc phòng, an ninh quốc gia, môi trường.

Việc khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được thực hiện đối với cả các cơ sở nhà, đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc; không phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn khi thực hiện việc khai thác.

Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được chủ động lập phương án quản lý, khai thác nhà, đất được giao quản lý (trong đó xác định cụ thể danh mục nhà, đất đề xuất bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời; danh mục nhà, đất cho thuê theo từng phương thức, thời hạn

cho thuê đối với từng cơ sở nhà, đất), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về phương án; trên cơ sở ý kiến đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thực hiện việc quản lý, khai thác mà không phải lập, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), bảo đảm tiến độ đưa nhà, đất vào khai thác. Việc lập, xin ý kiến về phương án có thể thực hiện đối với từng cơ sở nhà, đất hoặc nhiều cơ sở nhà, đất để bảo đảm thời hạn đưa vào khai thác theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Việc cho thuê nhà gắn với quyền sử dụng đất (sau đây gọi là cho thuê nhà) do tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác được thực hiện theo phương thức niêm yết giá, phương thức chào giá cạnh tranh quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết này; không phải thực hiện đấu giá, đấu thầu.

Ngoài các trường hợp chấm dứt Hợp đồng thuê nhà, thu hồi lại nhà cho thuê quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), tổ chức, cá nhân thuê nhà vi phạm quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng, môi trường thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà chấm dứt Hợp đồng thuê nhà và thu hồi lại nhà cho thuê.

Việc giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác

1- Trường hợp nhà, đất dôi dư có Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (bao gồm cả trường hợp chuyển giao một phần) mà cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (theo Quyết định chuyển giao) hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao (theo Văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thì không phải làm thủ tục giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP). Sau khi tiếp nhận, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà có trách nhiệm quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định.

2- Trường hợp nhà, đất dôi dư đã có Quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao, giao nhiệm vụ tiếp nhận cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà cấp xã mà nay có nhu cầu giao lại cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà cấp tỉnh và ngược lại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh lại Quyết định cho phù hợp.

3- Trường hợp nhà, đất dôi dư đã có Quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao, giao nhiệm vụ tiếp nhận cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà nhưng không phù hợp để quản lý, khai thác mà cần phải xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh lại Quyết định cho phù hợp.

4- Căn cứ Quyết định sau khi điều chỉnh quy định tại khoản 2, khoản 3 nêu trên, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thực hiện bàn giao nhà, đất cho đơn vị tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận nhà, đất được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Thời hạn cho thuê nhà

Thời hạn cho thuê nhà tối đa là 10 năm và được gia hạn không khống chế số lần nếu đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP. Trường hợp địa phương có nhu cầu cho thuê nhà trên 10 năm thì cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 22 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP quyết định thu hồi hoặc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh lại Quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao, giao nhiệm vụ tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này để thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị quyết này.

Thủ tục gia hạn thời hạn cho thuê khi Hợp đồng thuê nhà hết hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân đang thuê nhà có nhu cầu tiếp tục thuê được thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP; riêng đơn giá cho thuê nhà được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này đối với các trường hợp gia hạn trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Xử lý nhà, đất dôi dư trong một số trường hợp đặc biệt

1. Việc xử lý nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), Nghị định số 52/2026/NĐ-CP và các quy định tại mục này; không phải thực hiện trình tự, thủ tục sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

Đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính (không bao gồm trường hợp nhà, đất có tranh chấp hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất cho mượn, cho thuê, hợp tác, kinh doanh, liên doanh, liên kết không đúng quy định) thuộc trường hợp áp dụng chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định thì trên cơ sở đề xuất của cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công xem xét, quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo nguyên trạng; không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc chuyển giao theo nguyên trạng được thực hiện đối với cả cơ sở nhà, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đầy đủ hoặc mất hồ sơ pháp lý về nhà, đất, chưa xử lý xong việc lấn chiếm, bố trí làm nhà ở, chưa xác định đầy đủ ranh giới trên thực địa. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất có trách nhiệm lập biên bản kiểm kê, mô tả hiện trạng, bàn giao hồ sơ, tài liệu hiện có và chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin, tài liệu do mình cung cấp, chịu trách nhiệm về việc không có hoặc mất hồ sơ pháp lý về nhà, đất.

Trên cơ sở Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất phối hợp với cơ quan của địa phương được giao nhiệm vụ tiếp nhận lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận, trong đó ghi nhận cụ thể ranh giới, hiện trạng nhà, đất và hồ sơ, giấy tờ tại thời điểm bàn giao, tiếp nhận. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để xử lý các vấn đề liên quan đến cơ sở nhà, đất sau khi đã chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. Việc xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân vi phạm (nếu có) đối với các cơ sở nhà, đất chuyển giao được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Việc xử lý đối với phần diện tích bị lấn chiếm sau khi tiếp nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Đất đai. Việc xử lý đối với các trường hợp còn lại sau khi tiếp nhận được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Trường hợp cơ sở nhà, đất đã có Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý mà cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao theo Quyết định chuyển giao hoặc Văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Ủy ban nhân dân cấp xã mà nay Ủy ban nhân dân cấp xã có nhu cầu chuyển đổi công năng sang mục đích công cộng (vườn hoa, sân chơi, điểm sinh hoạt cộng đồng và các mục đích công cộng khác) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc chuyển đổi công năng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền Quyết định giao, điều chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp có cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhu cầu sử dụng tạm thời cơ sở nhà, đất đã chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao là cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao là cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã) quyết định việc bố trí sử dụng tạm thời cho cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng theo quy định về khai thác tài sản có quyết định thu hồi tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Đối với cơ sở nhà, đất dôi dư chuyển đổi công năng sang mục đích công cộng (vườn hoa, sân chơi, công trình phục vụ cộng đồng khác), sử dụng làm cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo mà nhà, công trình gắn liền với đất hiện có không phù hợp với mục đích sử dụng mới thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP chịu trách nhiệm xác định tính phù hợp của nhà, công trình gắn liền với đất hiện có với mục đích sử dụng mới và quyết định phá dỡ, hủy bỏ nhà, công trình gắn liền với đất để sử dụng đất theo mục đích sử dụng mới (không bao gồm trường hợp nhà, công trình gắn liền với đất được phá dỡ, hủy bỏ theo dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc phá dỡ, hủy bỏ do bồi thường, giải phóng mặt bằng); không phải thực hiện thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản.

Việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản quy định tại khoản này được thực hiện kể cả trong trường hợp tài sản vẫn còn khả năng sử dụng, chưa hết thời gian tính khấu hao/hao mòn theo quy định.

3. Đối với cơ sở nhà, đất dồi dư thực hiện chuyển đổi công năng để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập, các mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh thì việc cập nhật, điều chỉnh các chỉ tiêu phân bổ, khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh đã được phân bổ đến cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch ngành (bao gồm cả quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh) được thực hiện sau khi thực hiện chuyển đổi công năng theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Đối với nhà, đất dồi dư đã có quyết định thu hồi và giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác và nhà, đất có quyết định chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý, sau đó thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc xử lý nhà, tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

a) Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất thuộc cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất thuộc cấp xã) quyết định việc phá dỡ, hủy bỏ nhà, tài sản gắn liền với đất trước khi thực hiện giao đất, cho thuê đất.

b) Đối với trường hợp phá dỡ, hủy bỏ nhà, tài sản gắn liền với đất trước khi giao đất, cho thuê đất thì người được giao đất, cho thuê đất không phải hoàn trả cho Nhà nước giá trị của nhà, tài sản gắn liền với đất.

Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được từ phá dỡ, hủy bỏ do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP).

c) Đối với trường hợp không phá dỡ, hủy bỏ nhà, tài sản gắn liền với đất trước khi giao đất, cho thuê đất thì người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả Nhà nước giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất được cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao theo dõi, hạch toán tại thời điểm giao đất, cho thuê đất; nhà, tài sản gắn liền với đất thuộc về người được giao đất, cho thuê đất.

Trường hợp nhà, tài sản gắn liền với đất chưa được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán hoặc việc tính hao mòn chưa phù hợp thì cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao xác định giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp người được giao đất, cho thuê đất là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì không phải hoàn trả giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất.

5. Đối với nhà, tài sản gắn liền với đất được đầu tư xây dựng trên đất của tổ chức, cá nhân khác mà tổ chức, cá nhân đó không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (người sử dụng đất được

xác định theo quy định của pháp luật về đất đai khác với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất) mà cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân có đất có nhu cầu tiếp nhận lại nhà, tài sản gắn liền với đất thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản ban hành Quyết định chuyển giao nhà, tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân có đất sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Tổ chức, cá nhân có đất nhận chuyển giao tài sản có trách nhiệm hoàn trả cho Nhà nước giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất theo sổ kế toán tại thời điểm quyết định.

Trường hợp nhà, tài sản gắn liền với đất chưa được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản xác định giá trị còn lại của nhà, tài sản gắn liền với đất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có đất không có nhu cầu tiếp nhận lại tài sản thì được thanh lý tài sản theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ (bao gồm cả trường hợp tài sản vẫn còn khả năng sử dụng, chưa hết thời gian tính khấu hao/hao mòn theo quy định) và bàn giao lại mặt bằng cho tổ chức, cá nhân có đất. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện thanh lý và xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được từ phá dỡ, hủy bỏ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (24/6/2026).

Thời hạn thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này là 5 năm, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Sau khi kết thúc thời hạn này, các cơ sở nhà, đất đang triển khai thực hiện theo các cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc kết thúc thời hạn cho thuê (đối với các cơ sở nhà, đất được khai thác, cho thuê).

Nguồn: baochinhpvu.vn

TỪ 01/01/2028, XE HỢP ĐỒNG PHẢI CHIA SẺ DỮ LIỆU HỢP ĐỒNG VẬN TẢI VỚI BỘ CÔNG AN

Chính phủ ban hành Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Nghị định số 218/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP về kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 theo hướng siết chặt quản lý xe hợp đồng, đồng thời bổ sung quy định cấm đón, trả khách tại các điểm cố định của doanh nghiệp. Theo đó, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không được xác nhận đặt chỗ cho từng hành khách đi xe; không được bán vé; không được thu tiền; không được ấn định hành trình, lịch trình cố định để phục vụ cho nhiều hành khách hoặc nhiều người thuê vận tải khác nhau; không được sử dụng xe kinh doanh vận tải đón, trả khách tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh, trên các tuyến đường phố.

Đáng chú ý, Nghị định số 218/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 11, khoản 12 tại Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP quy định liên quan đến việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về các nội dung của Hợp đồng vận tải hành khách. Theo đó, từ ngày 01/01/2028, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về các nội dung của Hợp đồng vận tải hành khách trước khi thực hiện chuyến đi cho Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông). Dữ liệu từ hệ thống của Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) được khai thác sử dụng để phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát và nghiệp vụ khác có liên quan; kết nối chia sẻ dữ liệu cho Bộ Xây dựng (Cục Đường bộ Việt Nam), Bộ Tài chính (Cục Thuế, Cục Hải quan), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng) để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ.

Bộ Công an quy định, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu hợp đồng vận tải hành khách.

Chuẩn hóa quy trình tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải, bổ sung hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính

Ngoài ra, Nghị định số 218/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5, 6, 7 của Điều 12 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP về tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe kinh doanh vận tải theo hướng chuyển toàn bộ việc tổ chức tập huấn từ doanh nghiệp vận tải sang Sở Xây dựng, đồng thời chuẩn hóa quy trình tổ chức, bổ sung hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, tăng thời gian lưu hồ sơ và nâng cao tính minh bạch, hiện đại trong kiểm tra và cấp chứng nhận. Cụ thể:

“5. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho người lái xe kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố quản lý và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm đúng các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Trong quá trình tổ chức tập huấn Sở Xây dựng được phối hợp với đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam, hiệp hội vận tải ô tô địa phương, cơ sở đào tạo lái xe ô tô, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, các trường đào tạo từ trung cấp trở lên (các trường có chuyên ngành vận tải) để tổ chức tập huấn cho người lái xe;

c) Trước khi tổ chức tập huấn Sở Xây dựng thông báo đến đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương tối thiểu trước 30 ngày (tính đến ngày bắt đầu tổ chức tập huấn) về kế hoạch tập huấn (bao gồm: thời gian, địa điểm tập huấn, danh sách cán bộ tập huấn, hình thức tập huấn, kinh phí khóa học cho một học viên) để đơn vị kinh doanh vận tải có nhu cầu đăng ký danh sách lái xe của đơn vị mình tham gia tập huấn. Trong thời gian trước 20 ngày (tính đến ngày bắt đầu tập huấn) đơn vị kinh doanh vận tải lập và gửi danh sách học viên đăng ký tập huấn đến Sở Xây dựng. Sở Xây dựng tiếp nhận và tổng hợp danh sách học viên theo đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải; xây dựng kế hoạch tập huấn gồm: tổ chức các lớp tùy theo nhu cầu ở địa phương mà bố trí số lớp tập huấn lái xe cho phù hợp; có thể chia thành các lớp theo chuyên ngành vận tải như hàng hóa, hành khách hay tổ chức chung; bố trí thời gian, địa điểm, danh sách cán bộ tập huấn, thời khóa biểu của các tiết học, số điện thoại liên hệ và phải ban hành quyết định tổ chức tập huấn;

d) Quản lý, giám sát quá trình thực hiện tập huấn, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đối với những người đã hoàn thành tập huấn theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này; hồ sơ chương trình tập huấn và kết quả tập huấn (gồm: biên bản tổng kết, danh sách học viên hoàn thành, bài kiểm tra, quyết định công nhận kết quả) được lưu trữ 05 năm tính từ ngày kết thúc tập huấn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.”.

6. Hình thức tập huấn: trực tiếp hoặc trực tuyến.

7. Tổ chức kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận

a) Việc tổ chức kiểm tra được thực hiện như sau:

Người dự tập huấn phải bảo đảm tham gia đầy đủ thời gian học thì mới đủ điều kiện để được kiểm tra. Kết thúc chương trình tập huấn phải làm bài kiểm tra trong thời gian 120 phút. Điểm kiểm tra kết thúc chương trình tập huấn được chấm theo thang điểm 10, điểm kiểm tra từ 5 điểm trở lên là đạt yêu cầu;

b) Hình thức kiểm tra tập trung: làm bài kiểm tra viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) trên giấy hoặc làm bài trắc nghiệm trên máy tính đối với trường hợp Sở Xây dựng có hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm chuyên dụng, có ngân hàng câu hỏi và trộn đề, kết quả được chấm điểm tự động và tổng hợp làm căn cứ đánh giá kết quả tập huấn;

c) Cấp Giấy chứng nhận tập huấn: những lái xe kinh doanh vận tải có điểm của bài kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên thì được Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận tập huấn theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này. Những lái xe kinh doanh vận tải có điểm của bài kiểm tra đạt dưới 5 điểm thì được Sở Xây dựng kiểm tra lại sau tối thiểu 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc của mỗi đợt tập huấn. Giấy chứng nhận tập huấn có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Nguồn: baochinhpvu.vn

XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ TÌNH TRẠNG CHẬM BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng vừa ký văn bản số 707/TTg-PL về thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Văn bản nêu rõ, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo, phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuy nhiên, tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội vẫn chưa được khắc phục triệt để.

Để xử lý triệt để tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là: Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có yêu cầu mỗi Bộ, cơ quan ngang Bộ phải cơ cấu ít nhất một lãnh đạo có chuyên môn pháp luật; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10 tháng 3 năm 2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, yêu cầu hạn chế việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; quán triệt nguyên tắc mỗi chủ thể chỉ ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung được giao.

Lấy kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết là tiêu chí quan trọng đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, tiến độ công tác xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết và xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; chủ động trao đổi, thống nhất với các Bộ, cơ quan liên quan về những nội dung phức tạp, còn ý kiến khác nhau ngay từ giai đoạn đầu của quá trình xây dựng văn bản; chủ động phối hợp với Văn phòng Chính phủ báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc còn có ý kiến khác nhau; không để tình trạng phối hợp kéo dài hoặc chờ thống nhất giữa các cơ quan làm ảnh hưởng đến tiến độ ban hành văn bản.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đề cao trách nhiệm và tăng cường tính chủ động trong xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

Trong đó, khi xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết phải rà soát kỹ sự cần thiết, tính hợp pháp của các nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan quy định chi tiết và xác định thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết cũng như điều khoản giao quy định chi tiết, bảo

đảm bảo khoảng thời gian hợp lý, khả thi để các cơ quan có thời gian xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai thi hành.

Trường hợp đề xuất luật, pháp lệnh, nghị quyết có hiệu lực ngay từ ngày được thông qua hoặc sớm hơn 45 ngày từ ngày được thông qua, Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chủ trì soạn thảo phải bảo đảm chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các dự thảo văn bản quy định chi tiết, trình cấp có thẩm quyền ban hành để có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Rà soát, kiện toàn tổ chức pháp chế; ưu tiên, tập trung cao nhất các nguồn lực về thời gian, nhân lực, kinh phí, trang thiết bị cho công tác xây dựng pháp luật, không để tình trạng giao thêm nhiệm vụ nhưng không bảo đảm nguồn lực thực hiện; nghiên cứu cách thức tổ chức thực hiện công tác xây dựng pháp luật tập trung, chuyên nghiệp kết hợp với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác xây dựng pháp luật, từng bước chuyên nghiệp hoá, hiện đại hoá công tác này nhằm nâng cao chất lượng văn bản, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

Lấy kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, việc bảo đảm tiến độ, chất lượng ban hành văn bản là một trong các tiêu chí quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan. Quan tâm triển khai thực hiện thí điểm việc đánh giá, chấm điểm (KPI) trong công tác xây dựng pháp luật sau khi được ban hành, gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan và đơn vị chủ trì. Trường hợp để xảy ra tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết kéo dài làm ảnh hưởng đến việc thi hành luật, nghị quyết hoặc phát sinh khoảng trống pháp lý thì phải đánh giá, kiểm điểm, nguyên nhân, giải pháp khắc phục và xử lý trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan (nếu có).

Tập trung xử lý dứt điểm tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Công Thương, Tài chính, Nội vụ, Y tế, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý ngay những khó khăn, vướng mắc liên quan đến 15 văn bản (14 nghị định, 01 quyết định) nợ ban hành quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực nhằm giải quyết dứt điểm số văn bản nợ ban hành này. Tính đến ngày 23/6, Bộ Giáo dục và Đào tạo *nợ 3 nghị định ban hành quy định chi tiết 2 luật, nghị quyết có hiệu lực từ 1/1/2026*, Bộ Khoa học và Công nghệ *nợ 1 nghị định, 1 quyết định quy định chi tiết 1 luật có hiệu lực từ 1/3/2026*, Bộ Ngoại giao *nợ 2 nghị định quy định chi tiết 1 nghị quyết có hiệu lực từ 1/1/2026*, Bộ Công Thương *nợ 2 nghị định quy định chi tiết 2 nghị quyết có hiệu lực từ 1/1/2026 và 1/3/2026*, Bộ Tài chính *nợ 1 nghị định quy định chi tiết 1 nghị quyết có hiệu lực từ 1/1/2026*, Bộ Nội vụ *nợ 1 nghị định quy định chi tiết 1 luật có hiệu lực từ 1/1/2026*, Bộ Y tế *nợ 1 nghị định quy định chi tiết 1 nghị quyết có hiệu lực từ 1/1/2026*, Bộ Tư pháp *nợ 1 nghị định quy định chi tiết 1 luật có hiệu lực từ 1/5/2026*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *nợ 2 nghị định quy định chi tiết 2 luật có hiệu lực từ 1/1/2026 và 1/5/2026*.

Các Bộ: Công an, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Ngoại giao, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương: tập trung nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ 48 nghị định quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; trình Lãnh đạo Chính phủ xem xét, ký ban hành, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định. Trong đó Bộ Công an: 11 nghị định quy định chi tiết 6 luật, Bộ Tài chính: 10 nghị định quy định chi tiết 6 luật, Bộ Xây dựng: 4 nghị định quy định chi tiết 3 luật, Bộ Y tế: 1 nghị định quy định chi tiết 1 luật, Bộ Nội vụ: 5 nghị định quy định chi tiết 1 luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 8 nghị định quy định chi tiết 2 luật, Bộ Khoa học và Công nghệ: 2 nghị định quy định chi tiết 2 luật, Bộ Quốc phòng: 2 nghị định quy định chi tiết 1 luật, Bộ Ngoại giao: 2 nghị định quy định chi tiết 2 luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1 nghị định quy định chi tiết 1 luật, Bộ Công Thương: 1 nghị định quy định chi tiết 1 luật.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tập trung chỉ đạo, khẩn trương ban hành theo thẩm quyền các thông tư quy định chi tiết được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ nếu để xảy ra tình trạng chậm, muộn và không bảo đảm có hiệu lực đồng thời với hiệu lực thi hành của luật, nghị quyết của Quốc hội.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó bổ sung các quy định liên quan đến việc xác định thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết, nội dung giao quy định chi tiết; tiêu chí xác định nội dung giao quy định chi tiết; soạn thảo các văn bản quy định chi tiết ngay trong quá trình xây dựng dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; các điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; cơ chế phối hợp xử lý trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết không đồng thời là cơ quan chủ trì soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết; cơ chế xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp để xảy ra tình trạng chậm, nơ văn bản kéo dài hoặc gây khoảng trống pháp lý trong thực tiễn thi hành.

Văn phòng Chính phủ phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình hoàn thiện dự thảo văn bản quy định chi tiết theo ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ, Thành viên Chính phủ theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ; kịp thời báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực chỉ đạo hoặc tổ chức họp để xử lý các vấn đề còn ý kiến khác nhau, các vấn đề phát sinh trong quá trình hoàn thiện dự thảo văn bản quy định chi tiết.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP BAO GỒM 3 NHÓM THÔNG TIN

Chính phủ ban hành Nghị định số 216/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp, trong đó quy định Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm 3 nhóm thông tin và do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, bảo vệ, lưu trữ.

Nghị định quy định chi tiết Điều 11 về cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và Điều 14 về bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và hướng dẫn về trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp.

Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, bảo vệ và lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

Trong đó, Nghị định quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Theo quy định, Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý, vận hành, bảo vệ và lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định này.

Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tập trung, theo nguyên tắc mở

Về nguyên tắc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Nghị định quy định việc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải tuân thủ quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định này và các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, tiếp cận thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan có liên quan trong hệ thống chính trị.

Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tập trung; theo nguyên tắc mở, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị và quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, công nghệ thông tin và các quy định có liên quan, các tiêu chuẩn về an ninh mạng và khả năng phục hồi sau sự cố; được xây dựng, đầu tư, bảo trì, nâng cấp theo định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; bảo đảm hiệu quả, đơn giản, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các hoạt động khác.

Dữ liệu lý lịch tư pháp đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ thì không thu thập lại. Mọi bản ghi dữ liệu được lưu vết truy cập, chỉnh sửa, cập nhật, đảm bảo khả năng truy xuất lịch sử thay đổi và biến động dữ liệu.

Các nhóm thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

Nghị định quy định hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm:

- Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại và xử lý thông tin lý lịch tư pháp;
- Lập Lý lịch tư pháp;
- Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp vào Lý lịch tư pháp đã được lập;
- Điều chỉnh thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm các nhóm thông tin sau đây:

- Thông tin của cá nhân được lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 4a Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp. Trong đó, thông tin về số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường

hợp không có số định danh cá nhân được sử dụng làm thông tin gốc để kết nối, đối soát và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Thông tin lý lịch tư pháp về án tích, tình trạng thi hành án, xóa án tích;
- Thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải ghi nhận lịch sử cập nhật, điều chỉnh dữ liệu, bao gồm thời gian, nội dung và chủ thể thực hiện, nhằm phục vụ việc kiểm tra, đối soát, truy vết nguồn gốc dữ liệu và bảo đảm tính toàn vẹn, minh bạch trong quản lý dữ liệu.

Các phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu

Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua các phương thức, nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông, tự động, bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi, đúng đối tượng và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là hoạt động bắt buộc, được thực hiện thông qua các phương thức sau:

- Kết nối thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) và các điểm kết nối bảo mật theo quy định;
- Khai thác, truy vấn dữ liệu thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) theo tiêu chuẩn, quy trình do cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp Bộ Công an và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành thống nhất ban hành;
- Đồng bộ dữ liệu tự động giữa hệ thống thông tin của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, các ngành có liên quan với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Dữ liệu lý lịch tư pháp được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cung cấp lại thông tin lý lịch tư pháp khi thông tin đó đã có trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và đã được kết nối, chia sẻ. Trường hợp cần xác minh, thẩm tra tính chính xác của thông tin hoặc khi thông tin khai thác được chưa đầy đủ, chưa chính xác, cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trước khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và có tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; dữ liệu chia sẻ phải được làm sạch, bảo đảm chính xác, đầy đủ; có nguồn gốc hợp pháp, được xác thực theo thẩm quyền; phản ánh đúng hiện trạng về pháp lý và đầy đủ các trường thông tin.

Nghị định nêu rõ Bộ Công an có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xử lý và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

Các bộ, ngành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ có phát sinh nguồn thông tin được quy định tại Điều 15, Điều 33 và Điều 36 Luật Lý lịch tư pháp có trách nhiệm tạo

lập, cập nhật ngay thông tin và số hóa dữ liệu vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý để chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an quản lý. Việc chia sẻ đồng bộ dữ liệu được thực hiện trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi thông tin được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Ngày 24/6/2026, Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026-2030, mục tiêu đến năm 2030, cả nước có 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất...

Chương trình đặt mục tiêu tổng quát phát triển khu vực kinh tế tập thể theo hướng năng động, hiệu quả, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội; tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân; tăng cường khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm thu hút đông đảo người dân tham gia hợp tác xã, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết chặt chẽ với hợp tác xã; đồng thời, nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, thích ứng linh hoạt với xu thế phát triển mới.

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đặt ra là đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác với 2 triệu thành viên, 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên, 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60% trở lên trên tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; khoảng 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc; tỷ lệ nữ giám đốc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đạt ít nhất 30%.

Đến năm 2030 cả nước có 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất

Chương trình cũng nêu rõ các mục tiêu về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản; tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

Lựa chọn tối thiểu 200 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả để nhân rộng (mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn tối thiểu 6 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã); 100% hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lựa chọn để nhân rộng xếp loại hoạt động tốt sau khi củng cố, hoàn thiện.

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí tối thiểu 1 dự án đầu tư công hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trong đó có nội dung hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lựa chọn để nhân rộng) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương.

Ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm chủ lực của địa phương

Định hướng chung của Chương trình là phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội đặc thù của từng vùng, miền, trong đó ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm chủ lực của từng địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế tập thể; mở rộng quy mô thành viên; tăng cường liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng thị trường, năng lực cạnh tranh và tăng thu nhập cho thành viên; thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức và các mô hình sản xuất tiên tiến của thế giới.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chương trình nêu rõ cần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; phát triển liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp để phát huy thế mạnh của từng hợp tác xã và liên kết với doanh nghiệp, mở rộng phạm vi hoạt động trên địa bàn cả nước và xuất khẩu; phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình dịch vụ tổng hợp, mô hình gắn với vùng nguyên liệu tập trung, liên kết sản xuất-tiêu thụ theo chuỗi giá trị; hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, sản xuất hữu cơ.

Đồng thời, tăng cường liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, viện, trường và tổ chức tín dụng để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng cho sản phẩm; tăng cường hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp. Nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tăng khả năng tiếp cận vốn vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các cấp và các tổ chức tín dụng khác...

Đối với lĩnh vực công nghiệp-xây dựng, củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có; chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã gắn với các chương trình khuyến công và các chương trình, đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giảm nghèo tại địa phương; nghiên cứu xây dựng một số liên hiệp hợp tác xã công nghiệp, hợp tác xã dịch vụ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp nông thôn, tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển các làng nghề mới. Hỗ trợ các hợp tác xã hiện đại hóa trang thiết bị, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất.

Xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại, dịch vụ đa ngành

Trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ, Chương trình nêu rõ nội dung về xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại, dịch vụ đa ngành nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất đồng thời góp phần tiêu thụ sản phẩm cho thành viên; tiếp tục củng cố các liên hiệp hợp tác xã hiện có, thành lập mới các liên hiệp hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã thành viên về nguồn hàng, thị

trường; khuyến khích phát triển các hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp (mua bán hàng hóa, gia công chế biến, cung ứng dịch vụ, logistics); khuyến khích liên kết, tham gia vào hệ thống phân phối hoặc chuỗi kinh doanh của các liên hiệp hợp tác xã thương mại hoặc các doanh nghiệp lớn để nâng cao khả năng cạnh tranh; phát triển các hợp tác xã kinh doanh du lịch, đặc biệt là các hợp tác xã du lịch cộng đồng, du lịch gắn với nông nghiệp sinh thái, trải nghiệm, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa; tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ cho sản phẩm, dịch vụ du lịch bản địa thông qua phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình đề ra các nhiệm vụ, giải pháp như: Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; hỗ trợ tiếp cận vốn và nâng cao năng lực tài chính; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể; phát triển nguồn nhân lực và nâng cao trình độ quản lý, điều hành trong khu vực kinh tế tập thể...

Nguồn: vietnamplus.vn

XÂY DỰNG DỰ ÁN SỬA ĐỔI 10 LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 159/NQ-CP ngày 20/6/2026 về việc bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ năm 2026 của Quốc hội khóa XVI.

Cụ thể, Chính phủ thống nhất xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (gọi tắt là dự án Luật) theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng, hoàn thiện dự án Luật theo đúng quy định, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung dự án Luật vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ năm 2026 của Quốc hội (dự kiến tổ chức vào cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8/2026) và đồng thời cho ý kiến về dự án Luật để trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đề xuất xây dựng dự án Luật; chủ động báo cáo, giải trình với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, báo cáo đề xuất.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1118/QĐ-TTg, bổ nhiệm Trung tướng Trương Mạnh Dũng, Tư lệnh Quân khu 1 giữ chức Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Quyết định số 1136/QĐ-TTg, bổ nhiệm ông Trần Anh Tiến, Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ, giữ chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

* Thành phố Hồ Chí Minh

- Bổ nhiệm ông Lê Văn Minh, Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Diên Hồng, giữ chức Tổng Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:
 - + Ông Nguyễn Khắc Văn, Quyền Tổng Biên tập Báo Sài Gòn Giải Phóng.
 - + Ông Cao Anh Minh, Tổng Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Ông Trần Xuân Toàn, Phó Tổng Biên tập Báo Tuổi Trẻ.
 - + Ông Tô Đình Tuân, Tổng Biên tập Báo Người Lao Động.

* Tỉnh Quảng Ninh

- Điều động, bổ nhiệm ông Hồ Quang Huy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Móng Cái 1 giữ chức Giám đốc Sở Công Thương, giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2026 - 2031.
- Điều động, phân công, chỉ định bà Nguyễn Thị Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy phường Móng Cái 1, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Tỉnh Hà Tĩnh

- Bổ nhiệm ông Lê Văn Dũng - Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Bổ nhiệm bà Trần Thị Kiều Oanh - Chánh Văn phòng Sở Tư pháp giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn